

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

- A. thất nghiệp. B. lạm phát. C. thu nhập. D. khủng hoảng.

Câu 2. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

- A. chất lượng của hàng hóa. B. nguồn gốc của hàng hóa.
C. giá cả của hàng hóa đó. D. vị thế của hàng hóa đó.

Câu 3. Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

- A. cạnh tranh. B. lợi tức. C. đấu tranh. D. tranh giành.

Câu 4. Để khắc phục tình trạng lạm phát do chi phí đẩy, nhà nước thường ban hành chính sách nào sau đây?

- A. Tăng thuế. B. Giảm mức cung tiền.
C. Cắt giảm chi tiêu ngân sách. D. Thu hút vốn đầu tư, giảm thuế.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Huy hoại tài nguyên môi trường. B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
C. Tăng cường đầu cơ tích trữ. D. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh.

Câu 6. Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về hậu quả của thất nghiệp?

- A. Thất nghiệp làm cho đời sống của người lao động và gia đình gặp khó khăn.
B. Thất nghiệp là nguyên nhân cơ bản làm xuất hiện các tệ nạn xã hội.
C. Thất nghiệp cao làm cho sản lượng của nền kinh tế ở trên mức tiềm năng.
D. Thất nghiệp gây lãng phí lao động xã hội, làm giảm sản lượng của nền kinh tế.

Câu 7. Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

- A. thất nghiệp chu kỳ. B. thất nghiệp cơ cấu.
C. thất nghiệp tự nguyện. D. thất nghiệp tạm thời.

Câu 8. Trong nền kinh tế thị trường, nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá giảm xuống thì cung về loại hàng hoá đó sẽ có xu hướng

- A. giảm. B. không đổi. C. giữ nguyên. D. tăng.

Câu 9. Chỉ số giá tiêu dùng được viết tắt là

- A. HDI. B. KPI. C. CPI. D. GDP.

Câu 10. Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

- A. cung. B. tổng cung. C. tổng cầu. D. cầu.

Câu 11. Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là do sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu có điều kiện sản xuất và lợi ích

- A. bằng nhau. B. khác nhau. C. giống nhau. D. cao bằng.

Câu 12. Đối với nguồn thu ngân sách nhà nước, khi thất nghiệp tăng cao sẽ làm cho thu ngân sách nhà nước có xu hướng

- A. giảm. B. tăng. C. ổn định. D. không đổi.

Câu 13. Khi mức độ tăng giá của hàng hóa và dịch vụ ở một con số điều đó phản ánh mức độ lạm phát của nền kinh tế đó ở mức độ

- A. không đáng kể. B. siêu lạm phát. C. lạm phát phi mã. D. lạm phát vừa phải.

Câu 14. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm cho cầu về hàng hóa tăng lên từ đó thúc đẩy cung về hàng hóa

- A. không đổi. B. tăng lên. C. giảm xuống. D. giữ nguyên.

Câu 15. Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

- A. lợi nhuận. B. thị trường. C. nhiên liệu. D. lao động.

Câu 16. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. tiền tệ. B. thị trường. C. lạm phát. D. cung cầu.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Bên cạnh quảng cáo sôi động, ấn tượng trên truyền hình và báo chí, đầu gọi P cũng áp dụng thành công với các quảng cáo gây ấn tượng như: tài trợ nhiều chương trình trò chơi trên truyền hình; câu lạc bộ P với các đêm ca nhạc tại nhiều nơi trên thế giới luôn thu hút đông đảo giới trẻ khiến doanh thu của nhãn hàng tăng trong những tháng cuối năm. Chính việc tài trợ các chương trình giải trí này đã góp phần nâng cao nhận thức nhãn hiệu rất lớn cho nhãn hiệu đầu gọi P.

Câu 1. Nội dung nào dưới đây là biểu hiện của cạnh tranh lành mạnh của nhãn hàng P?

- A. Cung cấp thông tin không đúng về các doanh nghiệp khác.
B. Lôi kéo khách hàng một cách bất chính mua sản phẩm P.
C. Xâm phạm thông tin, bí mật kinh doanh của nhãn hàng khác.
D. Tài trợ các chương trình trò chơi trên truyền hình.

Câu 2. Với các giải pháp mà các doanh nghiệp đã thực hiện trong thông tin trên cầu về mặt hàng đầu gọi P có xu hướng diễn biến như thế nào?

- A. Tăng. B. Cân bằng. C. Giảm. D. Giữ nguyên.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19, 20, 21, 22

Trong năm 2023, CPI tháng Một tăng cao với 4,89%, áp lực lạm phát rất lớn nhưng sau đó đã giảm dần, đến tháng Sáu mức tăng chỉ còn 2%, đến tháng Mười Hai tăng 3,58%, bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay..... Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được đảm bảo. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát khiến tỉ lệ thất nghiệp giảm.

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu giúp Việt Nam thành công trong việc kiểm soát lạm phát năm 2023 là gì?

- A. Do sự hỗ trợ từ nước ngoài.
B. Do chi phí sản xuất đầu vào giảm.
C. Do nhu cầu của người dân giảm.
D. Nhà nước đưa ra nhiều biện pháp hữu hiệu, kịp thời.

Câu 2. Giá cả các mặt hàng năm 2023 sau khi kiểm soát được lạm phát ở Việt Nam cho thấy diễn biến cung - cầu như thế nào?

- A. Giữ nguyên. B. Ổn định. C. Giảm. D. Tăng

Câu 3. Nếu tỉ lệ lạm phát không được kiểm soát dẫn đến tình trạng thất nghiệp vẫn gia tăng sẽ gây ra hậu quả gì?

- A. nhiều người thu nhập cao. B. tệ nạn xã hội tiêu cực.
C. công ty mới thành lập. D. hiện tượng xã hội tốt.

Câu 4. Thông tin trên đề cập đến loại hình lạm phát nào?

- A. Lạm phát vừa phải. B. Lạm phát thấp. C. Lạm phát phi mã. D. Siêu lạm phát.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24

Do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty Z lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H sau khi viết đơn xin nghỉ việc và được nhận trợ cấp, chị đã dùng số tiền đó để mở một cửa hàng tạp hóa công việc dần đi vào ổn định. Chị M sau khi nghỉ việc đã nộp đơn lên cơ quan chức năng và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh L, vốn là thợ có tay nghề cao sau khi nghỉ việc đã nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Chị Q sau khi nghỉ việc tại công ty X đã được công ty T nhận vào làm việc và trải qua thời gian tập sự 3 tháng trước khi ký hợp đồng chính thức.

Câu 1. Những ai dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp?

- A. Chị Q và và chị H. B. Anh L và chị Q. C. Chị H và chị M. D. Chị M và anh L.

Câu 2. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của chị H và chị M là

- A. Do không hài lòng với công việc hiện tại. B. Bị đuổi việc do vi phạm kỷ luật.
C. Do cơ sở kinh doanh cắt giảm nhân sự. D. Do thiếu kỹ năng làm việc.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Vào cao điểm mùa du lịch năm 2024, ngành du lịch dự báo nhu cầu đi du lịch của người dân sẽ tăng cao. Tuy nhiên giá vé máy bay đã khiến giá tour du lịch tăng và ảnh hưởng đến sự lựa chọn các điểm đến nội địa của du khách, nhu cầu du lịch nội địa giảm đáng kể. Khi giá vé máy bay tăng, du khách sẽ ưu tiên chọn tour quốc tế hơn tour nội địa. Đồng thời, việc tăng giá vé máy bay sẽ làm giảm sức cạnh tranh khu vực trong việc thu hút khách quốc tế, ngay cả các điểm đến địa phương ở trong nước cũng sẽ giảm nguồn thu từ du khách. Trong bối cảnh đó, nhiều hãng du lịch đã cơ cấu lại sản phẩm, tăng các chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại nhằm giữ chân khách hàng. Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines xây dựng sản phẩm ưu đãi với chuyến bay khởi hành sau 21h hàng ngày đến các điểm đến du lịch trong nước với mức giá vé máy bay giảm hơn 50% và miễn phí đêm khách sạn đầu tiên trong chương trình tour.

a) Nhà nước không cần có chính sách can thiệp để điều tiết các quan hệ cung cầu vì giá vé máy bay được hình thành theo cơ chế thị trường.

b) Giá vé máy bay tăng cao sẽ khiến cho cung về dịch vụ du lịch giảm nhưng cầu về dịch vụ du lịch tăng.

c) Giá vé máy bay trong nước cao hơn giá vé quốc tế cho cùng chặng bay sẽ giảm năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp.

d) Hãng Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines giảm 50% vé máy bay đêm là không phù hợp với nguyên tắc cạnh tranh công bằng trong nền kinh tế.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo tổng cục Thống kê, lạm phát bình quân năm 2023 và quý I/2024 tăng lần lượt là 4,16% và 2,81%, cao hơn nhiều so với mức bình quân lạm phát cơ bản 5 năm giai đoạn 2018 - 2022 (1,84%). Trong năm 2023 và quý I/2024, chi phí sản xuất của nền kinh tế tiếp tục tăng, chi phí đầu vào các ngành sản xuất tăng tương đối, chỉ số giá cước vận tải, dịch vụ vận tải đường hàng không; chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất đều tăng. Giá nhiều mặt hàng thiết yếu bao gồm lương thực, thực phẩm tăng cao so với các năm trước. Thêm vào đó, một số nhóm hàng dịch vụ công do Nhà nước quản lý như giá y tế, giáo dục thực hiện điều chỉnh tăng giá theo lộ trình khiến chỉ số giá nhóm giáo dục và y tế đều tăng từ đó tạo áp lực lên chính sách kiểm soát lạm phát của nhà nước.

a) Lạm phát năm 2023 và năm 2024 ở Việt Nam ở mức độ vừa phải.

b) Lạm phát trong giai đoạn 2023 – 2024 khác về mức độ so với lạm phát trong giai đoạn 2018 – 2022.

c) Nguyên nhân dẫn đến lạm phát trong giai đoạn 2023 và 2024 là do quy luật lưu thông tiền tệ của nhà nước chưa phù hợp.

d) Tăng thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng là biện pháp hành chính phù hợp nhất để kiềm chế lạm phát giai đoạn 2023 – 2024.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Sau dịp tết Nguyên Đán thị trường lao động ở nước ta có nhiều biến động, người lao động có xu hướng không quay trở lại các doanh nghiệp cũ để làm việc mà chủ động đi tìm các công việc mới phù hợp và hấp dẫn hơn khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu lao động để mở rộng sản xuất và duy trì các đơn hàng đã ký kết. Để khắc phục tình trạng này, nhiều doanh nghiệp đã đưa ra một số chính sách hấp dẫn để lôi kéo người lao động như: hỗ trợ tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ bảo hiểm cũng như một số quyền lợi hấp dẫn khác. Đặc biệt có một số doanh nghiệp đã sử dụng “cò” tuyển dụng để chủ động liên hệ với các công nhân có

tay nghề đang làm trong các doanh nghiệp khác để mời chào, lôi kéo họ từ bỏ công ty cũ về công ty mới làm việc với mức lương hấp dẫn. Chính điều này đã tạo nên sự thiếu công bằng trong việc tuyển dụng lao động, làm cho nhiều doanh nghiệp làm ăn chân chính bị thiệt hại nặng.

a) Việc thị trường lao động và thị trường việc làm vận hành trái ngược nhau sau dịp Tết nguyên Đán sẽ tác động lớn đến mối quan hệ cung - cầu nền kinh tế.

b) Biện pháp sử dụng các “cò” tuyển dụng để lôi kéo các công dân bỏ công ty cũ về làm việc cho công ty của mình là không phù hợp với cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế.

c) Theo thông tin trên cho thấy, cung về thị trường lao động sau dịp tết Nguyên đán thường có xu hướng tăng cao.

d) Để hạn chế tình trạng mất cân đối cung - cầu sau dịp tết Nguyên đán, nhà nước sử dụng chính sách pháp luật để can thiệp trực tiếp đảm bảo sự cân bằng của thị trường.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Trên địa bàn huyện X có anh D, chị H và anh Y cùng sinh sống. Sau khi tốt nghiệp Đại học, do không tìm được việc làm, chị H nộp hồ sơ và được nhận vào làm việc tại công ty Z, sau 2 năm làm việc do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H do không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc. Sau đó chị đã dùng số tiền trợ cấp này để mở một cửa hàng tạp hóa, công việc dần đi vào ổn định. Anh D sau khi làm một thời gian tại công ty V do nền kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, khiến công ty bị phá sản nên buộc phải nghỉ việc và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh Y, vốn là kỹ sư có tay nghề cao vì được trả lương thấp nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

a) Công ty bị phá sản khiến anh D bị mất việc là phù hợp với loại hình thất nghiệp chu kỳ.

b) Anh D và anh Y bị thất nghiệp là do nguyên nhân khách quan.

c) Anh Y và chị H là những người đang thất nghiệp cần tìm kiếm việc làm.

d) Lao động trình độ cao có xu hướng tìm được việc làm dễ dàng hơn so với các lao động có trình độ thấp.

---HẾT---

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Thiếu kỹ năng làm việc. B. Cơ chế tính giảm lao động.
C. Đơn hàng công ty sụt giảm. D. Do tái cấu trúc hoạt động.

Câu 2. Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã thì nền kinh tế đó ở vào trạng thái

- A. lạm phát toàn diện. B. lạm phát vừa phải. C. lạm phát phi mã. D. siêu lạm phát.

Câu 3. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

- A. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm. B. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.
C. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh. D. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

Câu 4. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp tạm thời. B. thất nghiệp tự nguyện.
C. thất nghiệp cơ cấu. D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 5. Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây?

- A. Cạnh tranh văn hoá. B. Cạnh tranh tư tưởng. C. Cạnh tranh chính trị. D. Cạnh tranh kinh tế.

Câu 6. Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bắt lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. lạm phát. B. cạnh tranh. C. thất nghiệp. D. khủng hoảng.

Câu 7. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. cầu. B. cung. C. thất nghiệp. D. lạm phát.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Tăng cường đầu cơ tích trữ. B. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh.
C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. D. Huy hoại tài nguyên môi trường.

Câu 9. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

- A. người sản xuất với người tiêu dùng. B. người bán với người bán.
C. người mua với người mua. D. người sản xuất và người đầu tư.

Câu 10. Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A. ganh đua. B. ký kết. C. thỏa mãn. D. thỏa hiệp.

Câu 11. Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

- A. việc làm. B. bạn đời. C. vị trí. D. chỗ ở.

Câu 12. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

- A. khủng hoảng. B. thất nghiệp. C. suy thoái. D. lạm phát.

Câu 13. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kĩ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung tăng lên. B. Cung bằng cầu. C. Cung không đổi. D. Cung giảm xuống.

Câu 14. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10%-1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. Lạm phát nghiêm trọng. B. Lạm phát phi mã.
C. Siêu lạm phát. D. Lạm phát vừa phải.

Câu 15. Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Giá cả của các hàng hóa cùng loại. B. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp.
C. Giá cả của hàng hóa đó. D. Thu nhập của người tiêu dùng.

Câu 16. Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp?

- A. Nhà nước ban hành các chính sách để thu hút đầu tư.
B. Nhà nước điều tiết để duy trì một tỉ lệ thất nghiệp cao trong nền kinh tế.
C. Nhà nước xây dựng hệ thống bảo hiểm thất nghiệp, xuất khẩu lao động.
D. Nhà nước phát triển hệ thống dạy nghề, dịch vụ việc làm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Thời điểm cuối năm, các doanh nghiệp phân phối ô tô đưa ra các ưu đãi nhằm kích cầu tiêu dùng, gia tăng cạnh tranh. Doanh nghiệp P giảm 50% lệ phí trước bạ đối với các mẫu xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP, khách hàng còn có cơ hội để sở hữu các mẫu xe nhập khẩu với mức ưu đãi giảm tới 40 triệu đồng. Doanh nghiệp T có ưu đãi 100% lệ phí trước bạ với khách hàng mua các dòng xe nhập khẩu và áp dụng mức ưu đãi 20 triệu đồng cho tất cả các phiên bản của mẫu xe nhập khẩu. Doanh nghiệp H đã kết hợp với ngân hàng để hỗ trợ gói tín dụng với lãi suất 0% trong 12 tháng đầu tiên khi khách hàng vay mua ô tô của hãng. Các doanh nghiệp đưa ra những chương trình ưu đãi, giảm giá để tăng doanh số mùa bán hàng cuối năm.

Câu 1. Biện pháp nào dưới đây **không** phải là hình thức để thực hiện cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường?

- A. Hỗ trợ mua bảo hiểm cho khách hàng. B. Giảm phí trước bạ cho khách hàng.
C. Hỗ trợ lãi xuất ưu đãi cho khách hàng D. Giảm khuyến mại cho khách hàng.

Câu 2. Với các giải pháp mà các doanh nghiệp đã thực hiện trong thông tin trên cầu về mặt hàng ô tô có xu hướng diễn biến như thế nào?

- A. Tăng. B. Giữ nguyên. C. Cân bằng. D. Giảm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20,21,22

Đầu năm 2023, giá xăng dầu thế giới tăng, xung đột trong khu vực diễn biến phức tạp điều này khiến chi phí vận tải đường biển tăng nhiều lần, từ đó khiến cho nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp bị đứt gãy và tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Để tồn tại nhiều doanh nghiệp phải điều chỉnh sản xuất chủ động tiết kiệm chi phí, thay đổi cách thức quản lý vận hành doanh nghiệp. Ngoài ra do giá đầu vào tăng cao khiến mặt chi phí sản xuất tăng cao, kéo giá hàng hóa tăng vọt khiến người tiêu dùng thất vọng, hàng hóa sản xuất ra không bán được, lượng hàng tồn kho nhiều, hậu quả nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất và sa thải lao động. Hàng vạn lao động phải nghỉ việc hoặc ngừng việc, thu nhập giảm xuống. Số doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất hoặc giải thể ngày càng tăng lên. Một bộ phận lao động nghỉ việc nộp đơn hưởng trợ cấp thất nghiệp tăng cao từ đó gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội của nhà nước.

Câu 1. Hình thức thất nghiệp nào dưới đây phù hợp với nội dung được phản ánh trong thông tin trên?

- A. Thất nghiệp tạm thời. B. Thất nghiệp tự nhiên.
C. Thất nghiệp cơ cấu. D. Thất nghiệp tự nguyện.

Câu 2. Trong thông tin trên, yếu tố nào dưới đây **không** tác động đến cung về hàng hóa đối với các doanh nghiệp?

- A. Giá xăng dầu tăng. B. Chi phí đầu vào tăng.
C. Nhiều lao động mất việc. D. Chi phí vận chuyển tăng.

Câu 3. Với sự biến động của giá cả cũng như chi phí đầu vào được đề cập trong thông tin trên sẽ tác động đến xu hướng cung theo chiều hướng nào dưới đây?

A. Cung tăng và cầu tăng.

C. Cung giảm, cầu tăng.

B. Cung tăng, cầu giảm.

D. Cung giảm và cầu giảm.

Câu 4. Với tình hình hiện tại của các doanh nghiệp được đề cập trong thông tin trên, cung của thị trường lao động sẽ biến động theo xu hướng nào dưới đây?

A. Thị trường lao động sẽ thiếu.

C. Thị trường lao động sẽ thừa.

B. Thị trường lao động cân bằng.

D. Lao động dồi dào sẽ giảm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23,24

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, lạm phát ở Việt Nam được kiểm soát ở mức thấp là 1,84%. Trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước.

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu làm cho lạm phát toàn cầu tăng là

A. giá cước vận chuyển tăng.

C. giá nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất tăng.

B. tăng theo áp lực của toàn cầu.

D. giá nguyên liệu tăng.

Câu 2. Chỉ số 1,84% phản ánh điều gì?

A. Mức độ lạm phát.

B. Phần trăm tăng thêm.

C. Lạm phát.

D. Chỉ số tiêu dùng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Sau dịp Tết Nguyên Đán thị trường lao động ở nước ta có nhiều biến động, người lao động có xu hướng không quay trở lại các doanh nghiệp cũ để làm việc mà chủ động đi tìm các công việc mới phù hợp và hấp dẫn hơn khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu lao động để mở rộng sản xuất và duy trì các đơn hàng đã ký kết. Để khắc phục tình trạng này, nhiều doanh nghiệp đã đưa ra một số chính sách hấp dẫn để lôi kéo người lao động như: hỗ trợ tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ bảo hiểm cũng như một số quyền lợi hấp dẫn khác. Đặc biệt có một số doanh nghiệp đã sử dụng “cò” tuyển dụng để chủ động liên hệ với các công nhân có tay nghề đang làm trong các doanh nghiệp khác để mời chào, lôi kéo họ từ bỏ công ty cũ về công ty mới làm việc với mức lương hấp dẫn. Chính điều này đã tạo nên sự thiếu công bằng trong việc tuyển dụng lao động, làm cho nhiều doanh nghiệp làm ăn chân chính bị thiệt hại nặng.

a) Khi tuyển dụng các doanh nghiệp đưa ra các biện pháp như; hỗ trợ tiền tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại thể hiện việc cạnh tranh không lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế.

b) Nhà nước sử dụng vai trò của mình để can thiệp trực tiếp vào thị trường lao động nhằm giải quyết tốt vấn đề việc làm giúp các doanh nghiệp cân bằng cung - cầu là phù hợp ở thời điểm này.

c) Việc thị trường lao động và thị trường việc làm vận hành trái ngược nhau sau dịp Tết nguyên Đán sẽ tác động lớn đến mối quan hệ cung - cầu của nền kinh tế.

d) Theo thông tin trên cho thấy, cầu về thị trường lao động sau dịp Tết Nguyên Đán thường có xu hướng tăng cao.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Vào cao điểm mùa du lịch năm 2024, ngành du lịch dự báo nhu cầu đi du lịch của người dân sẽ tăng cao. Tuy nhiên giá vé máy bay đã khiến giá tour du lịch tăng và ảnh hưởng đến sự lựa chọn các điểm đến nội địa của du khách, nhu cầu du lịch nội địa giảm đáng kể. Khi giá vé máy bay tăng, du khách sẽ ưu tiên chọn tour quốc tế hơn tour nội địa. Đồng thời, việc tăng giá vé máy bay sẽ làm giảm sức cạnh tranh khu vực trong việc thu hút khách quốc tế, ngay cả các điểm đến địa phương ở trong nước cũng sẽ giảm nguồn thu từ du khách. Trong bối cảnh đó, nhiều hãng du lịch đã cơ cấu lại sản phẩm, tăng các chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại nhằm giữ chân khách hàng. Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines xây dựng sản phẩm ưu đãi với chuyến bay khởi hành sau 21h hàng ngày đến các điểm đến du lịch trong nước với mức giá vé máy bay giảm hơn 50% và miễn phí đêm khách sạn đầu tiên trong chương trình tour.

a) Giá vé máy bay trong nước cao hơn giá vé quốc tế cho cùng chặng bay phản ánh việc cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp quốc tế.

b) Giá vé máy bay được hình thành theo cơ chế thị trường nên nhà nước không cần can thiệp để giảm giá vé là phù hợp.

c) Giá vé máy bay tăng cao sẽ khiến cho cung về dịch vụ du lịch tăng nhưng cầu về dịch vụ du lịch giảm.

d) Chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại để thu hút khách du lịch là **không** phù hợp với nguyên tắc cạnh tranh công bằng trong nền kinh tế.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Ông D - trợ lý văn phòng tại công ty xuất khẩu thủy sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhận công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm lý chán nản...

- a) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai.
- b) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện.
- c) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu.
- d) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, anh D cho biết cảm thấy “chóng mặt” vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

- a) Anh D sẽ phải giảm nhu cầu một số mặt hàng không thiết yếu do giá cả tăng.
- b) Giá cả sinh hoạt tăng không ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng.
- c) Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng lạm phát trong thông tin trên là do chi phí sản xuất tăng.
- d) Giá cả không bị biến động do sự thay đổi của chi phí sản xuất.

----HẾT---

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:.....

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm cho cầu về hàng hóa tăng lên từ đó thúc đẩy cung về hàng hóa

- A. giữ nguyên. B. tăng lên. C. không đổi. D. giảm xuống.

Câu 2. Trong nền kinh tế thị trường, nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá giảm xuống thì cung về loại hàng hoá đó sẽ có xu hướng

- A. không đổi. B. tăng. C. giữ nguyên. D. giảm.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. B. Tăng cường đầu tư tích trữ.
C. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh. D. Huy hoại tài nguyên môi trường.

Câu 4. Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

- A. lạm phát. B. thu nhập. C. thất nghiệp. D. khủng hoảng.

Câu 5. Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

- A. thất nghiệp cơ cấu. B. thất nghiệp tạm thời.
C. thất nghiệp chu kỳ. D. thất nghiệp tự nguyện.

Câu 6. Chỉ số giá tiêu dùng được viết tắt là

- A. HDI. B. CPI. C. GDP. D. KPI.

Câu 7. Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là do sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu có điều kiện sản xuất và lợi ích

- A. giống nhau. B. cao bằng. C. khác nhau. D. bằng nhau.

Câu 8. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

- A. vị thế của hàng hóa đó. B. giá cả của hàng hóa đó.
C. chất lượng của hàng hóa. D. nguồn gốc của hàng hóa.

Câu 9. Khi mức độ tăng giá của hàng hóa và dịch vụ ở một con số điều đó phản ánh mức độ lạm phát của nền kinh tế đó ở mức độ

- A. siêu lạm phát. B. lạm phát vừa phải. C. lạm phát phi mã. D. không đáng kể.

Câu 10. Đối với nguồn thu ngân sách nhà nước, khi thất nghiệp tăng cao sẽ làm cho thu ngân sách nhà nước có xu hướng

- A. tăng. B. không đổi. C. ổn định. D. giảm.

Câu 11. Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

- A. thị trường. B. lợi nhuận. C. nhiên liệu. D. lao động.

Câu 12. Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

- A. tranh giành. B. lợi tức. C. đấu tranh. D. cạnh tranh.

Câu 13. Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về hậu quả của thất nghiệp?

- A. Thất nghiệp cao làm cho sản lượng của nền kinh tế ở trên mức tiềm năng.
B. Thất nghiệp là nguyên nhân cơ bản làm xuất hiện các tệ nạn xã hội.

C. Thất nghiệp làm cho đời sống của người lao động và gia đình gặp khó khăn.

D. Thất nghiệp gây lãng phí lao động xã hội, làm giảm sản lượng của nền kinh tế.

Câu 14. Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

A. tổng cầu.

B. cung.

C. tổng cung.

D. cầu.

Câu 15. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

A. thị trường.

B. lạm phát.

C. tiền tệ.

D. cung cầu.

Câu 16. Để khắc phục tình trạng lạm phát do chi phí đẩy, nhà nước thường ban hành chính sách nào sau đây?

A. Cắt giảm chi tiêu ngân sách.

B. Giảm mức cung tiền.

C. Tăng thuế.

D. Thu hút vốn đầu tư, giảm thuế.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Bên cạnh quảng cáo sôi động, ấn tượng trên truyền hình và báo chí, đầu gối P cũng áp dụng thành công với các quảng cáo gây ấn tượng như: tài trợ nhiều chương trình trò chơi trên truyền hình; câu lạc bộ P với các đêm ca nhạc tại nhiều nơi trên thế giới luôn thu hút đông đảo giới trẻ khiến doanh thu của nhãn hàng tăng trong những tháng cuối năm. Chính việc tài trợ các chương trình giải trí này đã góp phần nâng cao nhận thức nhãn hiệu rất lớn cho nhãn hiệu đầu gối P.

Câu 1. Nội dung nào dưới đây là biểu hiện của cạnh tranh lành mạnh của nhãn hàng P?

A. Tài trợ các chương trình trò chơi trên truyền hình.

B. Lôi kéo khách hàng một cách bất chính mua sản phẩm P.

C. Cung cấp thông tin không đúng về các doanh nghiệp khác.

D. Xâm phạm thông tin, bí mật kinh doanh của nhãn hàng khác.

Câu 2. Với các giải pháp mà các doanh nghiệp đã thực hiện trong thông tin trên câu về mặt hàng đầu gối P có xu hướng diễn biến như thế nào?

A. Giữ nguyên.

B. Giảm.

C. Tăng.

D. Cân bằng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19, 20, 21, 22

Trong năm 2023, CPI tháng Một tăng cao với 4,89%, áp lực lạm phát rất lớn nhưng sau đó đã giảm dần, đến tháng Sáu mức tăng chỉ còn 2%, đến tháng Mười Hai tăng 3,58%, bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay..... Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được đảm bảo. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát khiến tỉ lệ thất nghiệp giảm.

Câu 1. Giá cả các mặt hàng năm 2023 sau khi kiểm soát được lạm phát ở Việt Nam cho thấy diễn biến cung - cầu như thế nào?

A. Giữ nguyên.

B. Giảm.

C. Tăng

D. Ổn định.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu giúp Việt Nam thành công trong việc kiểm soát lạm phát năm 2023 là gì?

A. Do chi phí sản xuất đầu vào giảm.

B. Nhà nước đưa ra nhiều biện pháp hữu hiệu, kịp thời.

C. Do sự hỗ trợ từ nước ngoài.

D. Do nhu cầu của người dân giảm.

Câu 3. Nếu tỉ lệ lạm phát không được kiểm soát dẫn đến tình trạng thất nghiệp vẫn gia tăng sẽ gây ra hậu quả gì?

A. tệ nạn xã hội tiêu cực.

B. hiện tượng xã hội tốt.

C. công ty mới thành lập.

D. nhiều người thu nhập cao.

Câu 4. Thông tin trên đề cập đến loại hình lạm phát nào?

A. Siêu lạm phát.

B. Lạm phát vừa phải.

C. Lạm phát phi mã.

D. Lạm phát thấp.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24

Do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty Z lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H sau khi viết đơn xin nghỉ việc và được nhận trợ cấp, chị đã dùng số tiền đó để mở một cửa hàng tạp hóa công việc dần đi vào ổn định. Chị M sau khi nghỉ việc đã nộp đơn lên cơ quan chức năng và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh L, vốn là thợ có tay nghề cao sau khi nghỉ việc đã nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Chị Q sau khi nghỉ việc tại công ty X đã được công ty T nhận vào làm việc và trải qua thời gian tập sự 3 tháng trước khi ký hợp đồng chính thức.

Câu 1. Những ai dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp?

- A. Anh L và chị Q. B. Chị H và chị M. C. Chị Q và và chị H. D. Chị M và anh L.

Câu 2. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của chị H và chị M là

- A. Bị đuổi việc do vi phạm kỷ luật. B. Do không hài lòng với công việc hiện tại.
C. Do thiếu kỹ năng làm việc. D. Do cơ sở kinh doanh cắt giảm nhân sự.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Vào cao điểm mùa du lịch năm 2024, ngành du lịch dự báo nhu cầu đi du lịch của người dân sẽ tăng cao. Tuy nhiên giá vé máy bay đã khiến giá tour du lịch tăng và ảnh hưởng đến sự lựa chọn các điểm đến nội địa của du khách, nhu cầu du lịch nội địa giảm đáng kể. Khi giá vé máy bay tăng, du khách sẽ ưu tiên chọn tour quốc tế hơn tour nội địa. Đồng thời, việc tăng giá vé máy bay sẽ làm giảm sức cạnh tranh khu vực trong việc thu hút khách quốc tế, ngay cả các điểm đến địa phương ở trong nước cũng sẽ giảm nguồn thu từ du khách. Trong bối cảnh đó, nhiều hãng du lịch đã cơ cấu lại sản phẩm, tăng các chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại nhằm giữ chân khách hàng. Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines xây dựng sản phẩm ưu đãi với chuyến bay khởi hành sau 21h hàng ngày đến các điểm đến du lịch trong nước với mức giá vé máy bay giảm hơn 50% và miễn phí đêm khách sạn đầu tiên trong chương trình tour.

- a) Giá vé máy bay tăng cao sẽ khiến cho cung về dịch vụ du lịch giảm nhưng cầu về dịch vụ du lịch tăng.
b) Giá vé máy bay trong nước cao hơn giá vé quốc tế cho cùng chặng bay sẽ giảm năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp.
c) Hãng Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines giảm 50% vé máy bay đêm là không phù hợp với nguyên tắc cạnh tranh công bằng trong nền kinh tế.
d) Nhà nước không cần có chính sách can thiệp để điều tiết các quan hệ cung cầu vì giá vé máy bay được hình thành theo cơ chế thị trường.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo tổng cục Thống kê, lạm phát bình quân năm 2023 và quý I/2024 tăng lần lượt là 4,16% và 2,81%, cao hơn nhiều so với mức bình quân lạm phát cơ bản 5 năm giai đoạn 2018 - 2022 (1,84%). Trong năm 2023 và quý I/2024, chi phí sản xuất của nền kinh tế tiếp tục tăng, chi phí đầu vào các ngành sản xuất tăng tương đối, chỉ số giá cước vận tải, dịch vụ vận tải đường hàng không; chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất đều tăng. Giá nhiều mặt hàng thiết yếu bao gồm lương thực, thực phẩm tăng cao so với các năm trước. Thêm vào đó, một số nhóm hàng dịch vụ công do Nhà nước quản lý như giá y tế, giáo dục thực hiện điều chỉnh tăng giá theo lộ trình khiến chỉ số giá nhóm giáo dục và y tế đều tăng từ đó tạo áp lực lên chính sách kiểm soát lạm phát của nhà nước.

- a) Lạm phát năm 2023 và năm 2024 ở Việt Nam ở mức độ vừa phải.
b) Nguyên nhân dẫn đến lạm phát trong giai đoạn 2023 và 2024 là do quy luật lưu thông tiền tệ của nhà nước chưa phù hợp.
c) Tăng thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng là biện pháp hành chính phù hợp nhất để kiềm chế lạm phát giai đoạn 2023 – 2024.
d) Lạm phát trong giai đoạn 2023 – 2024 khác về mức độ so với lạm phát trong giai đoạn 2018 – 2022.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Trên địa bàn huyện X có anh D, chị H và anh Y cùng sinh sống. Sau khi tốt nghiệp Đại học, do không tìm được việc làm, chị H nộp hồ sơ và được nhận vào làm việc tại công ty Z, sau 2 năm làm việc do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H do không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc. Sau đó chị đã dùng số tiền trợ cấp này để mở một cửa hàng tạp hóa, công việc dần đi vào ổn định. Anh D sau khi làm một thời gian tại công ty V do nền kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, khiến công ty bị phá sản nên buộc phải nghỉ việc và được hưởng trợ cấp thất

nghiệp theo quy định. Anh Y, vốn là kỹ sư có tay nghề cao vì được trả lương thấp nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

- a) Công ty bị phá sản khiến anh D bị mất việc là phù hợp với loại hình thất nghiệp chu kỳ.
- b) Lao động trình độ cao có xu hướng tìm được việc làm dễ dàng hơn so với các lao động có trình độ thấp.
- c) Anh Y và chị H là những người đang thất nghiệp cần tìm kiếm việc làm.
- d) Anh D và anh Y bị thất nghiệp là do nguyên nhân khách quan.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Sau dịp Tết Nguyên Đán thị trường lao động ở nước ta có nhiều biến động, người lao động có xu hướng không quay trở lại các doanh nghiệp cũ để làm việc mà chủ động đi tìm các công việc mới phù hợp và hấp dẫn hơn khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu lao động để mở rộng sản xuất và duy trì các đơn hàng đã ký kết. Để khắc phục tình trạng này, nhiều doanh nghiệp đã đưa ra một số chính sách hấp dẫn để lôi kéo người lao động như: hỗ trợ tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ bảo hiểm cũng như một số quyền lợi hấp dẫn khác. Đặc biệt có một số doanh nghiệp đã sử dụng “cò” tuyển dụng để chủ động liên hệ với các công nhân có tay nghề đang làm trong các doanh nghiệp khác để mời chào, lôi kéo họ từ bỏ công ty cũ về công ty mới làm việc với mức lương hấp dẫn. Chính điều này đã tạo nên sự thiếu công bằng trong việc tuyển dụng lao động, làm cho nhiều doanh nghiệp làm ăn chân chính bị thiệt hại nặng.

- a) Để hạn chế tình trạng mất cân đối cung - cầu sau dịp Tết Nguyên đán, nhà nước sử dụng chính sách pháp luật để can thiệp trực tiếp đảm bảo sự cân bằng của thị trường.
- b) Biện pháp sử dụng các “cò” tuyển dụng để lôi kéo các công nhân bỏ công ty cũ về làm việc cho công ty của mình là không phù hợp với cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế.
- c) Việc thị trường lao động và thị trường việc làm vận hành trái ngược nhau sau dịp Tết nguyên Đán sẽ tác động lớn đến mối quan hệ cung - cầu nền kinh tế.
- d) Theo thông tin trên cho thấy, cung về thị trường lao động sau dịp Tết Nguyên đán thường có xu hướng tăng cao.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Môn : Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

Mã đề 114

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kĩ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung giảm xuống. B. Cung không đổi. C. Cung tăng lên. D. Cung bằng cầu.

Câu 2. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Cơ chế tính lương lao động. B. Thiếu kỹ năng làm việc.
C. Đơn hàng công ty sụt giảm. D. Do tái cấu trúc hoạt động.

Câu 3. Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

- A. Nhà nước phát triển hệ thống dạy nghề, dịch vụ việc làm.
B. Nhà nước ban hành các chính sách để thu hút đầu tư.
C. Nhà nước xây dựng hệ thống bảo hiểm thất nghiệp, xuất khẩu lao động.
D. Nhà nước điều tiết để duy trì một tỉ lệ thất nghiệp cao trong nền kinh tế.

Câu 4. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10%-1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. Lạm phát vừa phải. B. Lạm phát phi mã.
C. Siêu lạm phát. D. Lạm phát nghiêm trọng.

Câu 5. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

- A. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái. B. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.
C. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm. D. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.

Câu 6. Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây?

A. Cạnh tranh văn hoá. B. Cạnh tranh kinh tế. C. Cạnh tranh tư tưởng. D. Cạnh tranh chính trị.

Câu 7. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

- A. người bán với người bán. B. người sản xuất với người tiêu dùng.
C. người mua với người mua. D. người sản xuất và người đầu tư.

Câu 8. Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A. thỏa mãn. B. ký kết. C. ganh đua. D. thỏa hiệp.

Câu 9. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp chu kỳ. B. thất nghiệp cơ cấu.
C. thất nghiệp tạm thời. D. thất nghiệp tự nguyện.

Câu 10. Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp. B. Giá cả của hàng hóa đó.
C. Thu nhập của người tiêu dùng. D. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.

Câu 11. Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã thì nền kinh tế đó ở vào trạng thái

- A. lạm phát toàn diện. B. siêu lạm phát. C. lạm phát phi mã. D. lạm phát vừa phải.

Câu 12. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

- A. khủng hoảng. B. suy thoái. C. thất nghiệp. D. lạm phát.

Câu 13. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. cầu. B. thất nghiệp. C. lạm phát. D. cung.

Câu 14. Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. thất nghiệp. B. lạm phát. C. khủng hoảng. D. cạnh tranh.

Câu 15. Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

- A. bạn đời. B. chỗ ở. C. việc làm. D. vị trí.

Câu 16. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh. B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
C. Tăng cường đầu cơ tích trữ. D. Huy hoại tài nguyên môi trường.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Thời điểm cuối năm, các doanh nghiệp phân phối ô tô đưa ra các ưu đãi nhằm kích cầu tiêu dùng, gia tăng cạnh tranh. Doanh nghiệp P giảm 50% lệ phí trước bạ đối với các mẫu xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP, khách hàng còn có cơ hội để sở hữu các mẫu xe nhập khẩu với mức ưu đãi giảm tới 40 triệu đồng. Doanh nghiệp T có ưu đãi 100% lệ phí trước bạ với khách hàng mua các dòng xe nhập khẩu và áp dụng mức ưu đãi 20 triệu đồng cho tất cả các phiên bản của mẫu xe nhập khẩu. Doanh nghiệp H đã kết hợp với ngân hàng để hỗ trợ gói tín dụng với lãi suất 0% trong 12 tháng đầu tiên khi khách hàng vay mua ô tô của hãng. Các doanh nghiệp đưa ra những chương trình ưu đãi, giảm giá để tăng doanh số mùa bán hàng cuối năm.

Câu 1. Với các giải pháp mà các doanh nghiệp đã thực hiện trong thông tin trên câu về mặt hàng ô tô có xu hướng diễn biến như thế nào?

- A. Giảm. B. Giữ nguyên. C. Cân bằng. D. Tăng.

Câu 2. Biện pháp nào dưới đây **không** phải là hình thức để thực hiện cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường?

- A. Giảm khuyến mại cho khách hàng. B. Hỗ trợ lãi xuất ưu đãi cho khách hàng
C. Hỗ trợ mua bảo hiểm cho khách hàng. D. Giảm phí trước bạ cho khách hàng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20,21,22

Đầu năm 2023, giá xăng dầu thế giới tăng, xung đột trong khu vực diễn biến phức tạp điều này khiến chi phí vận tải đường biển tăng nhiều lần, từ đó khiến cho nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp bị đứt gãy và tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Để tồn tại nhiều doanh nghiệp phải điều chỉnh sản xuất chủ động tiết kiệm chi phí, thay đổi cách thức quản lý vận hành doanh nghiệp. Ngoài ra do giá đầu vào tăng cao khiến mặt chi phí sản xuất tăng cao, kéo giá hàng hóa tăng vọt khiến người tiêu dùng thất vọng, hàng hóa sản xuất ra không bán được, lượng hàng tồn kho nhiều, hậu quả nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất và sa thải lao động. Hàng vạn lao động phải nghỉ việc hoặc ngừng việc, thu nhập giảm xuống. Số doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất hoặc giải thể ngày càng tăng lên. Một bộ phận lao động nghỉ việc nộp đơn hưởng trợ cấp thất nghiệp tăng cao từ đó gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội của nhà nước.

Câu 1. Hình thức thất nghiệp nào dưới đây phù hợp với nội dung được phản ánh trong thông tin trên?

- A. Thất nghiệp tạm thời. B. Thất nghiệp tự nhiên.
C. Thất nghiệp tự nguyện. D. Thất nghiệp cơ cấu.

Câu 2. Trong thông tin trên, yếu tố nào dưới đây **không** tác động đến cung về hàng hóa đối với các doanh nghiệp?

- A. Chi phí vận chuyển tăng. B. Giá xăng dầu tăng.
C. Nhiều lao động mất việc. D. Chi phí đầu vào tăng.

Câu 3. Với sự biến động của giá cả cũng như chi phí đầu vào được đề cập trong thông tin trên sẽ tác động đến xu hướng cung theo chiều hướng nào dưới đây?

A. Cung tăng, cầu giảm.

C. Cung giảm và cầu giảm.

B. Cung tăng và cầu tăng.

D. Cung giảm, cầu tăng.

Câu 4. Với tình hình hiện tại của các doanh nghiệp được đề cập trong thông tin trên, cung của thị trường lao động sẽ biến động theo xu hướng nào dưới đây?

A. Thị trường lao động sẽ thiếu.

C. Thị trường lao động sẽ thừa.

B. Thị trường lao động cân bằng.

D. Lao động dồi dào sẽ giảm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23,24

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, lạm phát ở Việt Nam được kiểm soát ở mức thấp là 1,84%. Trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước.

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu làm cho lạm phát toàn cầu tăng là

A. giá nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất tăng.

C. tăng theo áp lực của toàn cầu.

B. giá nguyên liệu tăng.

D. giá cước vận chuyển tăng.

Câu 2. Chỉ số 1,84% phản ánh điều gì?

A. Phần trăm tăng thêm.

B. Chỉ số tiêu dùng.

C. Lạm phát.

D. Mức độ lạm phát.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Ông D - trợ lý văn phòng tại công ty xuất khẩu thủy sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhận công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm lý chán nản...

a) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai.

b) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu.

c) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện.

d) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Vào cao điểm mùa du lịch năm 2024, ngành du lịch dự báo nhu cầu đi du lịch của người dân sẽ tăng cao. Tuy nhiên giá vé máy bay đã khiến giá tour du lịch tăng và ảnh hưởng đến sự lựa chọn các điểm đến nội địa của du khách, nhu cầu du lịch nội địa giảm đáng kể. Khi giá vé máy bay tăng, du khách sẽ ưu tiên chọn tour quốc tế hơn tour nội địa. Đồng thời, việc tăng giá vé máy bay sẽ làm giảm sức cạnh tranh khu vực trong việc thu hút khách quốc tế, ngay cả các điểm đến địa phương ở trong nước cũng sẽ giảm nguồn thu từ du khách. Trong bối cảnh đó, nhiều hãng du lịch đã cơ cấu lại sản phẩm, tăng các chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại nhằm giữ chân khách hàng. Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines xây dựng sản phẩm ưu đãi với chuyến bay khởi hành sau 21h hàng ngày đến các điểm đến du lịch trong nước với mức giá vé máy bay giảm hơn 50% và miễn phí đêm khách sạn đầu tiên trong chương trình tour.

a) Giá vé máy bay được hình thành theo cơ chế thị trường nên nhà nước không cần can thiệp để giảm giá vé là phù hợp.

b) Giá vé máy bay tăng cao sẽ khiến cho cung về dịch vụ du lịch tăng nhưng cầu về dịch vụ du lịch giảm.

c) Giá vé máy bay trong nước cao hơn giá vé quốc tế cho cùng chặng bay phản ánh việc cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp quốc tế.

d) Chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại để thu hút khách du lịch là **không** phù hợp với nguyên tắc cạnh tranh công bằng trong nền kinh tế.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Sau dịp tết Nguyên Đán thị trường lao động ở nước ta có nhiều biến động, người lao động có xu hướng không quay trở lại các doanh nghiệp cũ để làm việc mà chủ động đi tìm các công việc mới phù hợp và hấp dẫn hơn khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu lao động để mở rộng sản xuất và duy trì các đơn hàng đã ký kết. Để khắc phục tình trạng này, nhiều doanh nghiệp đã đưa ra một số chính sách hấp dẫn để lôi kéo người lao động như: hỗ trợ tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ bảo hiểm cũng như một số quyền lợi hấp dẫn khác. Đặc biệt có một số doanh nghiệp đã sử dụng “cò” tuyển dụng để chủ động liên hệ với các công nhân có tay nghề đang làm trong các doanh nghiệp khác để mời chào, lôi kéo họ từ bỏ công ty cũ về công ty mới làm

việc với mức lương hấp dẫn. Chính điều này đã tạo nên sự thiếu công bằng trong việc tuyển dụng lao động, làm cho nhiều doanh nghiệp làm ăn chân chính bị thiệt hại nặng.

a) Khi tuyển dụng các doanh nghiệp đưa ra các biện pháp như; hỗ trợ tiền tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại thể hiện việc cạnh tranh không lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế.

b) Việc thị trường lao động và thị trường việc làm vận hành trái ngược nhau sau dịp Tết nguyên Đán sẽ tác động lớn đến mối quan hệ cung - cầu của nền kinh tế.

c) Theo thông tin trên cho thấy, cầu về thị trường lao động sau dịp tết Nguyên đán thường có xu hướng tăng cao.

d) Nhà nước sử dụng vai trò của mình để can thiệp trực tiếp vào thị trường lao động nhằm giải quyết tốt vấn đề việc làm giúp các doanh nghiệp cân bằng cung - cầu là phù hợp ở thời điểm này.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, anh D cho biết cảm thấy “chóng mặt” vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

a) Giá cả không bị biến động do sự thay đổi của chi phí sản xuất.

b) Anh D sẽ phải giảm nhu cầu một số mặt hàng không thiết yếu do giá cả tăng.

c) Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng lạm phát trong thông tin trên là do chi phí sản xuất tăng.

d) Giá cả sinh hoạt tăng không ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng.

----HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Môn : Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

Mã đề 115

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:.....

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là do sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu có điều kiện sản xuất và lợi ích

- A. bằng nhau. B. khác nhau. C. cao bằng. D. giống nhau.

Câu 2. Khi mức độ tăng giá của hàng hóa và dịch vụ ở một con số điều đó phản ánh mức độ lạm phát của nền kinh tế đó ở mức độ

- A. lạm phát vừa phải. B. siêu lạm phát. C. lạm phát phi mã. D. không đáng kể.

Câu 3. Trong nền kinh tế thị trường, nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá giảm xuống thì cung về loại hàng hoá đó sẽ có xu hướng

- A. tăng. B. giảm. C. không đổi. D. giữ nguyên.

Câu 4. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

- A. chất lượng của hàng hóa. B. giá cả của hàng hóa đó.
C. nguồn gốc của hàng hóa. D. vị thế của hàng hóa đó.

Câu 5. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. lạm phát. B. tiền tệ. C. cung cầu. D. thị trường.

Câu 6. Chỉ số giá tiêu dùng được viết tắt là

- A. KPI. B. CPI. C. GDP. D. HDI.

Câu 7. Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

- A. thu nhập. B. thất nghiệp. C. lạm phát. D. khủng hoảng.

Câu 8. Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

- A. tranh giành. B. đấu tranh. C. cạnh tranh. D. lợi tức.

Câu 9. Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

- A. nhiên liệu. B. lao động. C. thị trường. D. lợi nhuận.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh. B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
C. Tăng cường đầu cơ tích trữ. D. Huy hoại tài nguyên môi trường.

Câu 11. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm cho cầu về hàng hóa tăng lên từ đó thúc đẩy cung về hàng hóa

- A. giảm xuống. B. không đổi. C. tăng lên. D. giữ nguyên.

Câu 12. Để khắc phục tình trạng lạm phát do chi phí đẩy, nhà nước thường ban hành chính sách nào sau đây?

- A. Thu hút vốn đầu tư, giảm thuế. B. Cắt giảm chi tiêu ngân sách.
C. Giảm mức cung tiền. D. Tăng thuế.

Câu 13. Đối với nguồn thu ngân sách nhà nước, khi thất nghiệp tăng cao sẽ làm cho thu ngân sách nhà nước có xu hướng

- A. không đổi. B. tăng. C. giảm. D. ổn định.

Câu 14. Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

- A. cung. B. tổng cầu. C. cầu. D. tổng cung.

Câu 15. Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về hậu quả của thất nghiệp?

- A. Thất nghiệp là nguyên nhân cơ bản làm xuất hiện các tệ nạn xã hội.
B. Thất nghiệp cao làm cho sản lượng của nền kinh tế ở trên mức tiềm năng.
C. Thất nghiệp gây lãng phí lao động xã hội, làm giảm sản lượng của nền kinh tế.
D. Thất nghiệp làm cho đời sống của người lao động và gia đình gặp khó khăn.

Câu 16. Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

- A. thất nghiệp tạm thời. B. thất nghiệp chu kỳ.
C. thất nghiệp cơ cấu. D. thất nghiệp tự nguyện.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Bên cạnh quảng cáo sôi động, ấn tượng trên truyền hình và báo chí, đầu gọi P cũng áp dụng thành công với các quảng cáo gây ấn tượng như: tài trợ nhiều chương trình trò chơi trên truyền hình; câu lạc bộ P với các đêm ca nhạc tại nhiều nơi trên thế giới luôn thu hút đông đảo giới trẻ khiến doanh thu của nhãn hàng tăng trong những tháng cuối năm. Chính việc tài trợ các chương trình giải trí này đã góp phần nâng cao nhận thức nhận hiệu rất lớn cho nhãn hiệu đầu gọi P.

Câu 1. Nội dung nào dưới đây là biểu hiện của cạnh tranh lành mạnh của nhãn hàng P?

- A. Lôi kéo khách hàng một cách bất chính mua sản phẩm P.
B. Cung cấp thông tin không đúng về các doanh nghiệp khác.
C. Tài trợ các chương trình trò chơi trên truyền hình.
D. Xâm phạm thông tin, bí mật kinh doanh của nhãn hàng khác.

Câu 2. Với các giải pháp mà các doanh nghiệp đã thực hiện trong thông tin trên câu về mặt hàng đầu gọi P có xu hướng diễn biến như thế nào?

- A. Tăng. B. Giữ nguyên. C. Cân bằng. D. Giảm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19, 20, 21, 22

Trong năm 2023, CPI tháng Một tăng cao với 4,89%, áp lực lạm phát rất lớn nhưng sau đó đã giảm dần, đến tháng Sáu mức tăng chỉ còn 2%, đến tháng Mười Hai tăng 3,58%, bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay..... Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được đảm bảo. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát khiến tỉ lệ thất nghiệp giảm.

Câu 1. Nếu tỉ lệ lạm phát không được kiểm soát dẫn đến tình trạng thất nghiệp vẫn gia tăng sẽ gây ra hậu quả gì?

- A. hiện tượng xã hội tốt. B. nhiều người thu nhập cao.
C. tệ nạn xã hội tiêu cực. D. công ty mới thành lập.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu giúp Việt Nam thành công trong việc kiểm soát lạm phát năm 2023 là gì?

- A. Do chi phí sản xuất đầu vào giảm.
B. Nhà nước đưa ra nhiều biện pháp hữu hiệu, kịp thời.
C. Do sự hỗ trợ từ nước ngoài.
D. Do nhu cầu của người dân giảm.

Câu 3. Thông tin trên đề cập đến loại hình lạm phát nào?

- A. Lạm phát thấp. B. Siêu lạm phát. C. Lạm phát phi mã. D. Lạm phát vừa phải.

Câu 4. Giá cả các mặt hàng năm 2023 sau khi kiểm soát được lạm phát ở Việt Nam cho thấy diễn biến cung - cầu như thế nào?

- A. Ổn định. B. Giữ nguyên. C. Tăng. D. Giảm.

Độc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24

Do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty Z lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H sau khi viết đơn xin nghỉ việc và được nhận trợ cấp, chị đã dùng số tiền đó để mở một cửa hàng tạp hóa công việc dần đi vào ổn định. Chị M sau khi nghỉ việc đã nộp đơn lên cơ quan chức năng và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh L, vốn là thợ có tay nghề cao sau khi nghỉ việc đã nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Chị Q sau khi nghỉ việc tại công ty X đã được công ty T nhận vào làm việc và trải qua thời gian tập sự 3 tháng trước khi ký hợp đồng chính thức.

Câu 1. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của chị H và chị M là

- A. Do cơ sở kinh doanh cắt giảm nhân sự. B. Do thiếu kỹ năng làm việc.
C. Do không hài lòng với công việc hiện tại. D. Bị đuổi việc do vi phạm kỷ luật.

Câu 2. Những ai dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp?

- A. Chị M và anh L. B. Chị Q và chị H. C. Anh L và chị Q. D. Chị H và chị M.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo tổng cục Thống kê, lạm phát bình quân năm 2023 và quý I/2024 tăng lần lượt là 4,16% và 2,81%, cao hơn nhiều so với mức bình quân lạm phát cơ bản 5 năm giai đoạn 2018 - 2022 (1,84%). Trong năm 2023 và quý I/2024, chi phí sản xuất của nền kinh tế tiếp tục tăng, chi phí đầu vào các ngành sản xuất tăng tương đối, chỉ số giá cước vận tải, dịch vụ vận tải đường hàng không; chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất đều tăng. Giá nhiều mặt hàng thiết yếu bao gồm lương thực, thực phẩm tăng cao so với các năm trước. Thêm vào đó, một số nhóm hàng dịch vụ công do Nhà nước quản lý như giá y tế, giáo dục thực hiện điều chỉnh tăng giá theo lộ trình khiến chỉ số giá nhóm giáo dục và y tế đều tăng từ đó tạo áp lực lên chính sách kiểm soát lạm phát của nhà nước.

- a) Lạm phát trong giai đoạn 2023 – 2024 khác về mức độ so với lạm phát trong giai đoạn 2018 – 2022.
b) Tăng thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng là biện pháp hành chính phù hợp nhất để kiềm chế lạm phát giai đoạn 2023 – 2024.
c) Nguyên nhân dẫn đến lạm phát trong giai đoạn 2023 và 2024 là do quy luật lưu thông tiền tệ của nhà nước chưa phù hợp.
d) Lạm phát năm 2023 và năm 2024 ở Việt Nam ở mức độ vừa phải.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Trên địa bàn huyện X có anh D, chị H và anh Y cùng sinh sống. Sau khi tốt nghiệp Đại học, do không tìm được việc làm, chị H nộp hồ sơ và được nhận vào làm việc tại công ty Z, sau 2 năm làm việc do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H do không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc. Sau đó chị đã dùng số tiền trợ cấp này để mở một cửa hàng tạp hóa, công việc dần đi vào ổn định. Anh D sau khi làm một thời gian tại công ty V do nền kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, khiến công ty bị phá sản nên buộc phải nghỉ việc và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh Y, vốn là kỹ sư có tay nghề cao vì được trả lương thấp nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

- a) Anh Y và chị H là những người đang thất nghiệp cần tìm kiếm việc làm.
b) Lao động trình độ cao có xu hướng tìm được việc làm dễ dàng hơn so với các lao động có trình độ thấp.
c) Công ty bị phá sản khiến anh D bị mất việc là phù hợp với loại hình thất nghiệp chu kỳ.
d) Anh D và anh Y bị thất nghiệp là do nguyên nhân khách quan.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Vào cao điểm mùa du lịch năm 2024, ngành du lịch dự báo nhu cầu đi du lịch của người dân sẽ tăng cao. Tuy nhiên giá vé máy bay đã khiến giá tour du lịch tăng và ảnh hưởng đến sự lựa chọn các điểm đến nội địa của du khách, nhu cầu du lịch nội địa giảm đáng kể. Khi giá vé máy bay tăng, du khách sẽ ưu tiên chọn tour quốc tế hơn tour nội địa. Đồng thời, việc tăng giá vé máy bay sẽ làm giảm sức cạnh tranh khu vực trong việc thu hút khách quốc tế, ngay cả các điểm đến địa phương ở trong nước cũng sẽ giảm nguồn thu từ du khách. Trong bối cảnh đó, nhiều hãng du lịch đã cơ cấu lại sản phẩm, tăng các chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại nhằm giữ chân khách hàng. Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines xây dựng sản phẩm

ưu đãi với chuyến bay khởi hành sau 21h hàng ngày đến các điểm đến du lịch trong nước với mức giá vé máy bay giảm hơn 50% và miễn phí đêm khách sạn đầu tiên trong chương trình tour.

a) Hãng Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines giảm 50% vé máy bay đêm là không phù hợp với nguyên tắc cạnh tranh công bằng trong nền kinh tế.

b) Giá vé máy bay tăng cao sẽ khiến cho cung về dịch vụ du lịch giảm nhưng cầu về dịch vụ du lịch tăng.

c) Nhà nước không cần có chính sách can thiệp để điều tiết các quan hệ cung cầu vì giá vé máy bay được hình thành theo cơ chế thị trường.

d) Giá vé máy bay trong nước cao hơn giá vé quốc tế cho cùng chặng bay sẽ giảm năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Sau dịp Tết Nguyên Đán thị trường lao động ở nước ta có nhiều biến động, người lao động có xu hướng không quay trở lại các doanh nghiệp cũ để làm việc mà chủ động đi tìm các công việc mới phù hợp và hấp dẫn hơn khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu lao động để mở rộng sản xuất và duy trì các đơn hàng đã ký kết. Để khắc phục tình trạng này, nhiều doanh nghiệp đã đưa ra một số chính sách hấp dẫn để lôi kéo người lao động như: hỗ trợ tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ bảo hiểm cũng như một số quyền lợi hấp dẫn khác. Đặc biệt có một số doanh nghiệp đã sử dụng “cò” tuyển dụng để chủ động liên hệ với các công nhân có tay nghề đang làm trong các doanh nghiệp khác để mời chào, lôi kéo họ từ bỏ công ty cũ về công ty mới làm việc với mức lương hấp dẫn. Chính điều này đã tạo nên sự thiếu công bằng trong việc tuyển dụng lao động, làm cho nhiều doanh nghiệp làm ăn chân chính bị thiệt hại nặng.

a) Việc thị trường lao động và thị trường việc làm vận hành trái ngược nhau sau dịp Tết nguyên Đán sẽ tác động lớn đến mối quan hệ cung - cầu nền kinh tế.

b) Để hạn chế tình trạng mất cân đối cung - cầu sau dịp Tết Nguyên Đán, nhà nước sử dụng chính sách pháp luật để can thiệp trực tiếp đảm bảo sự cân bằng của thị trường.

c) Theo thông tin trên cho thấy, cung về thị trường lao động sau dịp Tết Nguyên Đán thường có xu hướng tăng cao.

d) Biện pháp sử dụng các “cò” tuyển dụng để lôi kéo các công nhân bỏ công ty cũ về làm việc cho công ty của mình là không phù hợp với cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế.

---HẾT---

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:.....

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Giá cả của hàng hóa đó. B. Thu nhập của người tiêu dùng.
C. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp. D. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.

Câu 2. Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

- A. vị trí. B. chỗ ở. C. bạn đời. D. việc làm.

Câu 3. Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây?

- A. Cạnh tranh kinh tế. B. Cạnh tranh tư tưởng. C. Cạnh tranh chính trị. D. Cạnh tranh văn hoá.

Câu 4. Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

- A. Nhà nước phát triển hệ thống dạy nghề, dịch vụ việc làm.
B. Nhà nước ban hành các chính sách để thu hút đầu tư.
C. Nhà nước điều tiết để duy trì một tỉ lệ thất nghiệp cao trong nền kinh tế.
D. Nhà nước xây dựng hệ thống bảo hiểm thất nghiệp, xuất khẩu lao động.

Câu 5. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Cơ chế tinh giảm lao động. B. Thiếu kỹ năng làm việc.
C. Đơn hàng công ty sụt giảm. D. Do tái cấu trúc hoạt động.

Câu 6. Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A. thỏa mãn. B. ganh đua. C. thỏa hiệp. D. ký kết.

Câu 7. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

- A. suy thoái. B. khủng hoảng. C. lạm phát. D. thất nghiệp.

Câu 8. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp tạm thời. B. thất nghiệp chu kỳ.
C. thất nghiệp cơ cấu. D. thất nghiệp tự nguyện.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. B. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh.
C. Tăng cường đầu cơ tích trữ. D. Huy hoại tài nguyên môi trường.

Câu 10. Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. thất nghiệp. B. khủng hoảng. C. cạnh tranh. D. lạm phát.

Câu 11. Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã thì nền kinh tế đó ở vào trạng thái

- A. siêu lạm phát. B. lạm phát toàn diện. C. lạm phát phi mã. D. lạm phát vừa phải.

Câu 12. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

- A. người sản xuất với người tiêu dùng.
- C. người bán với người bán.

- B. người sản xuất và người đầu tư.
- D. người mua với người mua.

Câu 13. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

- A. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.
- C. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm.

- B. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.
- D. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.

Câu 14. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. lạm phát.
- B. cung.
- C. thất nghiệp.
- D. cầu.

Câu 15. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10%-1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. Siêu lạm phát.
- B. Lạm phát phi mã.
- C. Lạm phát vừa phải.
- D. Lạm phát nghiêm trọng.

Câu 16. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung bằng cầu.
- B. Cung giảm xuống.
- C. Cung không đổi.
- D. Cung tăng lên.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Thời điểm cuối năm, các doanh nghiệp phân phối ô tô đưa ra các ưu đãi nhằm kích cầu tiêu dùng, gia tăng cạnh tranh. Doanh nghiệp P giảm 50% lệ phí trước bạ đối với các mẫu xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP, khách hàng còn có cơ hội để sở hữu các mẫu xe nhập khẩu với mức ưu đãi giảm tới 40 triệu đồng. Doanh nghiệp T có ưu đãi 100% lệ phí trước bạ với khách hàng mua các dòng xe nhập khẩu và áp dụng mức ưu đãi 20 triệu đồng cho tất cả các phiên bản của mẫu xe nhập khẩu. Doanh nghiệp H đã kết hợp với ngân hàng để hỗ trợ gói tín dụng với lãi suất 0% trong 12 tháng đầu tiên khi khách hàng vay mua ô tô của hãng. Các doanh nghiệp đưa ra những chương trình ưu đãi, giảm giá để tăng doanh số mùa bán hàng cuối năm.

Câu 1. Với các giải pháp mà các doanh nghiệp đã thực hiện trong thông tin trên cầu về mặt hàng ô tô có xu hướng diễn biến như thế nào?

- A. Cân bằng.
- B. Giảm.
- C. Tăng.
- D. Giữ nguyên.

Câu 2. Biện pháp nào dưới đây **không** phải là hình thức để thực hiện cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường?

- A. Giảm khuyến mại cho khách hàng.
- B. Hỗ trợ lãi suất ưu đãi cho khách hàng
- C. Hỗ trợ mua bảo hiểm cho khách hàng.
- D. Giảm phí trước bạ cho khách hàng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20,21,22

Đầu năm 2023, giá xăng dầu thế giới tăng, xung đột trong khu vực diễn biến phức tạp điều này khiến chi phí vận tải đường biển tăng nhiều lần, từ đó khiến cho nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp bị đứt gãy và tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Để tồn tại nhiều doanh nghiệp phải điều chỉnh sản xuất chủ động tiết kiệm chi phí, thay đổi cách thức quản lý vận hành doanh nghiệp. Ngoài ra do giá đầu vào tăng cao khiến mặt chi phí sản xuất tăng cao, kéo giá hàng hóa tăng vọt khiến người tiêu dùng thất vọng, hàng hóa sản xuất ra không bán được, lượng hàng tồn kho nhiều, hậu quả nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất và sa thải lao động. Hàng vạn lao động phải nghỉ việc hoặc ngừng việc, thu nhập giảm xuống. Số doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất hoặc giải thể ngày càng tăng lên. Một bộ phận lao động nghỉ việc nộp đơn hưởng trợ cấp thất nghiệp tăng cao từ đó gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội của nhà nước.

Câu 1. Hình thức thất nghiệp nào dưới đây phù hợp với nội dung được phản ánh trong thông tin trên?

- A. Thất nghiệp tạm thời.
- B. Thất nghiệp tự nguyện.
- C. Thất nghiệp tự nhiên.
- D. Thất nghiệp cơ cấu.

Câu 2. Với sự biến động của giá cả cũng như chi phí đầu vào được đề cập trong thông tin trên sẽ tác động đến xu hướng cung theo chiều hướng nào dưới đây?

- A. Cung giảm và cầu giảm.
- B. Cung tăng và cầu tăng.
- C. Cung tăng, cầu giảm.
- D. Cung giảm, cầu tăng.

Câu 3. Trong thông tin trên, yếu tố nào dưới đây **không** tác động đến cung về hàng hóa đối với các doanh nghiệp?

- A. Chi phí đầu vào tăng.
- B. Nhiều lao động mất việc.
- C. Chi phí vận chuyển tăng.
- D. Giá xăng dầu tăng.

Câu 4. Với tình hình hiện tại của các doanh nghiệp được đề cập trong thông tin trên, cung của thị trường lao động sẽ biến động theo xu hướng nào dưới đây?

- A. Lao động dồi dào sẽ giảm.
- B. Thị trường lao động cân bằng.
- C. Thị trường lao động sẽ thừa.
- D. Thị trường lao động sẽ thiếu.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23,24

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, lạm phát ở Việt Nam được kiểm soát ở mức thấp là 1,84%. Trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước.

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu làm cho lạm phát toàn cầu tăng là

- A. giá cước vận chuyển tăng.
- B. tăng theo áp lực của toàn cầu.
- C. giá nguyên liệu tăng.
- D. giá nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất tăng.

Câu 2. Chỉ số 1,84% phản ánh điều gì?

- A. Phần trăm tăng thêm.
- B. Chỉ số tiêu dùng.
- C. Mức độ lạm phát.
- D. Lạm phát.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Ông D - trợ lý văn phòng tại công ty xuất khẩu thủy sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhân công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm lý chán nản...

- a) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu.
- b) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện.
- c) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu.
- d) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, anh D cho biết cảm thấy “chóng mặt” vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

- a) Anh D sẽ phải giảm nhu cầu một số mặt hàng không thiết yếu do giá cả tăng.
- b) Giá cả không bị biến động do sự thay đổi của chi phí sản xuất.
- c) Giá cả sinh hoạt tăng không ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng.
- d) Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng lạm phát trong thông tin trên là do chi phí sản xuất tăng.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Vào cao điểm mùa du lịch năm 2024, ngành du lịch dự báo nhu cầu đi du lịch của người dân sẽ tăng cao. Tuy nhiên giá vé máy bay đã khiến giá tour du lịch tăng và ảnh hưởng đến sự lựa chọn các điểm đến nội địa của du khách, nhu cầu du lịch nội địa giảm đáng kể. Khi giá vé máy bay tăng, du khách sẽ ưu tiên chọn tour quốc tế hơn tour nội địa. Đồng thời, việc tăng giá vé máy bay sẽ làm giảm sức cạnh tranh khu vực trong việc thu hút khách quốc tế, ngay cả các điểm đến địa phương ở trong nước cũng sẽ giảm nguồn thu từ du khách. Trong bối cảnh đó, nhiều hãng du lịch đã cơ cấu lại sản phẩm, tăng các chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại nhằm giữ chân khách hàng. Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines xây dựng sản phẩm ưu đãi với chuyến bay khởi hành sau 21h hàng ngày đến các điểm đến du lịch trong nước với mức giá vé máy bay giảm hơn 50% và miễn phí đêm khách sạn đầu tiên trong chương trình tour.

- a) Giá vé máy bay tăng cao sẽ khiến cho cung về dịch vụ du lịch tăng nhưng cầu về dịch vụ du lịch giảm.
- b) Chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại để thu hút khách du lịch là **không** phù hợp với nguyên tắc cạnh tranh công bằng trong nền kinh tế.

c) Giá vé máy bay được hình thành theo cơ chế thị trường nên nhà nước không cần can thiệp để giảm giá vé là phù hợp.

d) Giá vé máy bay trong nước cao hơn giá vé quốc tế cho cùng chặng bay phản ánh việc cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp quốc tế.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Sau dịp tết Nguyên Đán thị trường lao động ở nước ta có nhiều biến động, người lao động có xu hướng không quay trở lại các doanh nghiệp cũ để làm việc mà chủ động đi tìm các công việc mới phù hợp và hấp dẫn hơn khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu lao động để mở rộng sản xuất và duy trì các đơn hàng đã ký kết. Để khắc phục tình trạng này, nhiều doanh nghiệp đã đưa ra một số chính sách hấp dẫn để lôi kéo người lao động như: hỗ trợ tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ bảo hiểm cũng như một số quyền lợi hấp dẫn khác. Đặc biệt có một số doanh nghiệp đã sử dụng “cò” tuyển dụng để chủ động liên hệ với các công nhân có tay nghề đang làm trong các doanh nghiệp khác để mời chào, lôi kéo họ từ bỏ công ty cũ về công ty mới làm việc với mức lương hấp dẫn. Chính điều này đã tạo nên sự thiếu công bằng trong việc tuyển dụng lao động, làm cho nhiều doanh nghiệp làm ăn chân chính bị thiệt hại nặng.

a) Khi tuyển dụng các doanh nghiệp đưa ra các biện pháp như: hỗ trợ tiền tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại thể hiện việc cạnh tranh không lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế.

b) Theo thông tin trên cho thấy, câu về thị trường lao động sau dịp tết Nguyên Đán thường có xu hướng tăng cao.

c) Việc thị trường lao động và thị trường việc làm vận hành trái ngược nhau sau dịp Tết nguyên Đán sẽ tác động lớn đến mối quan hệ cung - cầu của nền kinh tế.

d) Nhà nước sử dụng vai trò của mình để can thiệp trực tiếp vào thị trường lao động nhằm giải quyết tốt vấn đề việc làm giúp các doanh nghiệp cân bằng cung - cầu là phù hợp ở thời điểm này.

---HẾT---

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:.....

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. thị trường. B. cung cầu. C. lạm phát. D. tiền tệ.

Câu 2. Chỉ số giá tiêu dùng được viết tắt là

- A. KPI. B. CPI. C. HDI. D. GDP.

Câu 3. Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

- A. cầu. B. tổng cung. C. cung. D. tổng cầu.

Câu 4. Để khắc phục tình trạng lạm phát do chi phí đẩy, nhà nước thường ban hành chính sách nào sau đây?

- A. Cắt giảm chi tiêu ngân sách. B. Thu hút vốn đầu tư, giảm thuế.
C. Tăng thuế. D. Giảm mức cung tiền.

Câu 5. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm cho cầu về hàng hóa tăng lên từ đó thúc đẩy cung về hàng hóa

- A. không đổi. B. giữ nguyên. C. tăng lên. D. giảm xuống.

Câu 6. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

- A. vị thế của hàng hóa đó. B. chất lượng của hàng hóa.
C. nguồn gốc của hàng hóa. D. giá cả của hàng hóa đó.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh. B. Tăng cường đầu cơ tích trữ.
C. Huy hoại tài nguyên môi trường. D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 8. Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

- A. tranh giành. B. cạnh tranh. C. đấu tranh. D. lợi tức.

Câu 9. Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

- A. thất nghiệp cơ cấu. B. thất nghiệp tự nguyện.
C. thất nghiệp chu kỳ. D. thất nghiệp tạm thời.

Câu 10. Trong nền kinh tế thị trường, nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá giảm xuống thì cung về loại hàng hoá đó sẽ có xu hướng

- A. giữ nguyên. B. không đổi. C. giảm. D. tăng.

Câu 11. Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về hậu quả của thất nghiệp?

- A. Thất nghiệp gây lãng phí lao động xã hội, làm giảm sản lượng của nền kinh tế.
B. Thất nghiệp là nguyên nhân cơ bản làm xuất hiện các tệ nạn xã hội.
C. Thất nghiệp cao làm cho sản lượng của nền kinh tế ở trên mức tiềm năng.
D. Thất nghiệp làm cho đời sống của người lao động và gia đình gặp khó khăn.

Câu 12. Khi mức độ tăng giá của hàng hóa và dịch vụ ở một con số điều đó phản ánh mức độ lạm phát của nền kinh tế đó ở mức độ

- A. lạm phát phi mã. B. siêu lạm phát. C. không đáng kể. D. lạm phát vừa phải.

Câu 13. Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

- A. thất nghiệp. B. lạm phát. C. thu nhập. D. khủng hoảng.

Câu 14. Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là do sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu có điều kiện sản xuất và lợi ích

- A. cào bằng. B. khác nhau. C. giống nhau. D. bằng nhau.

Câu 15. Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

- A. lợi nhuận. B. thị trường. C. lao động. D. nhiên liệu.

Câu 16. Đối với nguồn thu ngân sách nhà nước, khi thất nghiệp tăng cao sẽ làm cho thu ngân sách nhà nước có xu hướng

- A. tăng. B. không đổi. C. ổn định. D. giảm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Bên cạnh quảng cáo sôi động, ấn tượng trên truyền hình và báo chí, đầu gọi P cũng áp dụng thành công với các quảng cáo gây ấn tượng như: tài trợ nhiều chương trình trò chơi trên truyền hình; câu lạc bộ P với các đêm ca nhạc tại nhiều nơi trên thế giới luôn thu hút đông đảo giới trẻ khiến doanh thu của nhãn hàng tăng trong những tháng cuối năm. Chính việc tài trợ các chương trình giải trí này đã góp phần nâng cao nhận thức nhãn hiệu rất lớn cho nhãn hiệu đầu gọi P.

Câu 1. Nội dung nào dưới đây là biểu hiện của cạnh tranh lành mạnh của nhãn hàng P?

- A. Cung cấp thông tin không đúng về các doanh nghiệp khác.
B. Xâm phạm thông tin, bí mật kinh doanh của nhãn hàng khác.
C. Lôi kéo khách hàng một cách bất chính mua sản phẩm P.
D. Tài trợ các chương trình trò chơi trên truyền hình.

Câu 2. Với các giải pháp mà các doanh nghiệp đã thực hiện trong thông tin trên câu về mặt hàng đầu gọi P có xu hướng diễn biến như thế nào?

- A. Giữ nguyên. B. Cân bằng. C. Giảm. D. Tăng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19, 20, 21, 22

Trong năm 2023, CPI tháng Một tăng cao với 4,89%, áp lực lạm phát rất lớn nhưng sau đó đã giảm dần, đến tháng Sáu mức tăng chỉ còn 2%, đến tháng Mười Hai tăng 3,58%, bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay..... Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được đảm bảo. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát khiến tỉ lệ thất nghiệp giảm.

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu giúp Việt Nam thành công trong việc kiểm soát lạm phát năm 2023 là gì?

- A. Do nhu cầu của người dân giảm.
B. Do sự hỗ trợ từ nước ngoài.
C. Nhà nước đưa ra nhiều biện pháp hữu hiệu, kịp thời.
D. Do chi phí sản xuất đầu vào giảm.

Câu 2. Nếu tỉ lệ lạm phát không được kiểm soát dẫn đến tình trạng thất nghiệp vẫn gia tăng sẽ gây ra hậu quả gì?

- A. tệ nạn xã hội tiêu cực. B. nhiều người thu nhập cao.
C. hiện tượng xã hội tốt. D. công ty mới thành lập.

Câu 3. Giá cả các mặt hàng năm 2023 sau khi kiểm soát được lạm phát ở Việt Nam cho thấy diễn biến cung - cầu như thế nào?

- A. Giảm. B. Tăng C. Giữ nguyên. D. Ổn định.

Câu 4. Thông tin trên đề cập đến loại hình lạm phát nào?

- A. Lạm phát phi mã. B. Lạm phát thấp. C. Lạm phát vừa phải. D. Siêu lạm phát.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24

Do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty Z lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H sau khi viết đơn xin nghỉ việc và được nhận trợ cấp, chị đã dùng số tiền đó để mở một cửa hàng tạp hóa công việc dần

đi vào ổn định. Chị M sau khi nghỉ việc đã nộp đơn lên cơ quan chức năng và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh L, vốn là thợ có tay nghề cao sau khi nghỉ việc đã nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Chị Q sau khi nghỉ việc tại công ty X đã được công ty T nhận vào làm việc và trải qua thời gian tập sự 3 tháng trước khi ký hợp đồng chính thức.

Câu 1. Những ai dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp?

- A. Chị H và chị M. B. Anh L và chị Q. C. Chị M và anh L. D. Chị Q và và chị H.

Câu 2. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của chị H và chị M là

- A. Do không hài lòng với công việc hiện tại. B. Do thiếu kỹ năng làm việc.
C. Bị đuổi việc do vi phạm kỷ luật. D. Do cơ sở kinh doanh cắt giảm nhân sự.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Vào cao điểm mùa du lịch năm 2024, ngành du lịch dự báo nhu cầu đi du lịch của người dân sẽ tăng cao. Tuy nhiên giá vé máy bay đã khiến giá tour du lịch tăng và ảnh hưởng đến sự lựa chọn các điểm đến nội địa của du khách, nhu cầu du lịch nội địa giảm đáng kể. Khi giá vé máy bay tăng, du khách sẽ ưu tiên chọn tour quốc tế hơn tour nội địa. Đồng thời, việc tăng giá vé máy bay sẽ làm giảm sức cạnh tranh khu vực trong việc thu hút khách quốc tế, ngay cả các điểm đến địa phương ở trong nước cũng sẽ giảm nguồn thu từ du khách. Trong bối cảnh đó, nhiều hãng du lịch đã cơ cấu lại sản phẩm, tăng các chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại nhằm giữ chân khách hàng. Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines xây dựng sản phẩm ưu đãi với chuyến bay khởi hành sau 21h hàng ngày đến các điểm đến du lịch trong nước với mức giá vé máy bay giảm hơn 50% và miễn phí đêm khách sạn đầu tiên trong chương trình tour.

a) Hãng Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines giảm 50% vé máy bay đêm là không phù hợp với nguyên tắc cạnh tranh công bằng trong nền kinh tế.

b) Giá vé máy bay trong nước cao hơn giá vé quốc tế cho cùng chặng bay sẽ giảm năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp.

c) Giá vé máy bay tăng cao sẽ khiến cho cung về dịch vụ du lịch giảm nhưng cầu về dịch vụ du lịch tăng.

d) Nhà nước không cần có chính sách can thiệp để điều tiết các quan hệ cung cầu vì giá vé máy bay được hình thành theo cơ chế thị trường.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo tổng cục Thống kê, lạm phát bình quân năm 2023 và quý I/2024 tăng lần lượt là 4,16% và 2,81%, cao hơn nhiều so với mức bình quân lạm phát cơ bản 5 năm giai đoạn 2018 - 2022 (1,84%). Trong năm 2023 và quý I/2024, chi phí sản xuất của nền kinh tế tiếp tục tăng, chi phí đầu vào các ngành sản xuất tăng tương đối, chỉ số giá cước vận tải, dịch vụ vận tải đường hàng không; chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất đều tăng. Giá nhiều mặt hàng thiết yếu bao gồm lương thực, thực phẩm tăng cao so với các năm trước. Thêm vào đó, một số nhóm hàng dịch vụ công do Nhà nước quản lý như giá y tế, giáo dục thực hiện điều chỉnh tăng giá theo lộ trình khiến chỉ số giá nhóm giáo dục và y tế đều tăng từ đó tạo áp lực lên chính sách kiểm soát lạm phát của nhà nước.

a) Lạm phát năm 2023 và năm 2024 ở Việt Nam ở mức độ vừa phải.

b) Tăng thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng là biện pháp hành chính phù hợp nhất để kiềm chế lạm phát giai đoạn 2023 – 2024.

c) Nguyên nhân dẫn đến lạm phát trong giai đoạn 2023 và 2024 là do quy luật lưu thông tiền tệ của nhà nước chưa phù hợp.

d) Lạm phát trong giai đoạn 2023 – 2024 khác về mức độ so với lạm phát trong giai đoạn 2018 – 2022.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Sau dịp tết Nguyên Đán thị trường lao động ở nước ta có nhiều biến động, người lao động có xu hướng không quay trở lại các doanh nghiệp cũ để làm việc mà chủ động đi tìm các công việc mới phù hợp và hấp dẫn hơn khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu lao động để mở rộng sản xuất và duy trì các đơn hàng đã ký kết. Để khắc phục tình trạng này, nhiều doanh nghiệp đã đưa ra một số chính sách hấp dẫn để lôi kéo người lao động như: hỗ trợ tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ bảo hiểm cũng như một số quyền lợi hấp dẫn khác. Đặc biệt có một số doanh nghiệp đã sử dụng “cò” tuyển dụng để chủ động liên hệ với các công nhân có tay nghề đang làm trong các doanh nghiệp khác để mời chào, lôi kéo họ từ bỏ công ty cũ về công ty mới làm

việc với mức lương hấp dẫn. Chính điều này đã tạo nên sự thiếu công bằng trong việc tuyển dụng lao động, làm cho nhiều doanh nghiệp làm ăn chân chính bị thiệt hại nặng.

a) Biện pháp sử dụng các “cò” tuyển dụng để lôi kéo các công dân bỏ công ty cũ về làm việc cho công ty của mình là không phù hợp với cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế.

b) Việc thị trường lao động và thị trường việc làm vận hành trái ngược nhau sau dịp Tết nguyên Đán sẽ tác động lớn đến mối quan hệ cung - cầu nền kinh tế.

c) Để hạn chế tình trạng mất cân đối cung - cầu sau dịp tết Nguyên đán, nhà nước sử dụng chính sách pháp luật để can thiệp trực tiếp đảm bảo sự cân bằng của thị trường.

d) Theo thông tin trên cho thấy, cung về thị trường lao động sau dịp tết Nguyên đán thường có xu hướng tăng cao.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Trên địa bàn huyện X có anh D, chị H và anh Y cùng sinh sống. Sau khi tốt nghiệp Đại học, do không tìm được việc làm, chị H nộp hồ sơ và được nhận vào làm việc tại công ty Z, sau 2 năm làm việc do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H do không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc. Sau đó chị đã dùng số tiền trợ cấp này để mở một cửa hàng tạp hóa, công việc dần đi vào ổn định. Anh D sau khi làm một thời gian tại công ty V do nền kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, khiến công ty bị phá sản nên buộc phải nghỉ việc và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh Y, vốn là kỹ sư có tay nghề cao vì được trả lương thấp nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

a) Anh D và anh Y bị thất nghiệp là do nguyên nhân khách quan.

b) Anh Y và chị H là những người đang thất nghiệp cần tìm kiếm việc làm.

c) Công ty bị phá sản khiến anh D bị mất việc là phù hợp với loại hình thất nghiệp chu kỳ.

d) Lao động trình độ cao có xu hướng tìm được việc làm dễ dàng hơn so với các lao động có trình độ thấp.

---HẾT---

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:.....

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bắt lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. lạm phát. B. khủng hoảng. C. thất nghiệp. D. cạnh tranh.

Câu 2. Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây?

- A. Cạnh tranh kinh tế. B. Cạnh tranh tư tưởng. C. Cạnh tranh chính trị. D. Cạnh tranh văn hoá.

Câu 3. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Cơ chế tinh giảm lao động. B. Thiếu kỹ năng làm việc.
C. Do tái cấu trúc hoạt động. D. Đơn hàng công ty sụt giảm.

Câu 4. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

- A. người sản xuất với người tiêu dùng. B. người sản xuất và người đầu tư.
C. người bán với người bán. D. người mua với người mua.

Câu 5. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10%-1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. Lạm phát nghiêm trọng. B. Siêu lạm phát.
C. Lạm phát vừa phải. D. Lạm phát phi mã.

Câu 6. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

- A. suy thoái. B. thất nghiệp. C. khủng hoảng. D. lạm phát.

Câu 7. Khẳng định nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp?

- A. Nhà nước phát triển hệ thống dạy nghề, dịch vụ việc làm.
B. Nhà nước điều tiết để duy trì một tỉ lệ thất nghiệp cao trong nền kinh tế.
C. Nhà nước ban hành các chính sách để thu hút đầu tư.
D. Nhà nước xây dựng hệ thống bảo hiểm thất nghiệp, xuất khẩu lao động.

Câu 8. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung giảm xuống. B. Cung tăng lên. C. Cung bằng cầu. D. Cung không đổi.

Câu 9. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp tạm thời. B. thất nghiệp tự nguyện.
C. thất nghiệp cơ cấu. D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 10. Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

- A. bạn đời. B. chỗ ở. C. việc làm. D. vị trí.

Câu 11. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. cầu. B. thất nghiệp. C. lạm phát. D. cung.

Câu 12. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. B. Huy hoại tài nguyên môi trường.
C. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh. D. Tăng cường đầu cơ tích trữ.

Câu 13. Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Giá cả của hàng hóa đó. B. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp.
C. Thu nhập của người tiêu dùng. D. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.

Câu 14. Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A. ký kết. B. thỏa hiệp. C. ganh đua. D. thỏa mãn.

Câu 15. Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã thì nền kinh tế đó ở vào trạng thái

- A. lạm phát phi mã. B. lạm phát toàn diện. C. siêu lạm phát. D. lạm phát vừa phải.

Câu 16. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

- A. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái. B. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm.
C. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh. D. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Thời điểm cuối năm, các doanh nghiệp phân phối ô tô đưa ra các ưu đãi nhằm kích cầu tiêu dùng, gia tăng cạnh tranh. Doanh nghiệp P giảm 50% lệ phí trước bạ đối với các mẫu xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP, khách hàng còn có cơ hội sở hữu các mẫu xe nhập khẩu với mức ưu đãi giảm tới 40 triệu đồng. Doanh nghiệp T có ưu đãi 100% lệ phí trước bạ với khách hàng mua các dòng xe nhập khẩu và áp dụng mức ưu đãi 20 triệu đồng cho tất cả các phiên bản của mẫu xe nhập khẩu. Doanh nghiệp H đã kết hợp với ngân hàng để hỗ trợ gói tín dụng với lãi suất 0% trong 12 tháng đầu tiên khi khách hàng vay mua ô tô của hãng. Các doanh nghiệp đưa ra những chương trình ưu đãi, giảm giá để tăng doanh số mùa bán hàng cuối năm.

Câu 1. Biện pháp nào dưới đây **không** phải là hình thức để thực hiện cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường?

- A. Giảm phí trước bạ cho khách hàng. B. Hỗ trợ lãi suất ưu đãi cho khách hàng
C. Hỗ trợ mua bảo hiểm cho khách hàng. D. Giảm khuyến mại cho khách hàng.

Câu 2. Với các giải pháp mà các doanh nghiệp đã thực hiện trong thông tin trên câu về mặt hàng ô tô có xu hướng diễn biến như thế nào?

- A. Giữ nguyên. B. Tăng. C. Giảm. D. Cân bằng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20,21,22

Đầu năm 2023, giá xăng dầu thế giới tăng, xung đột trong khu vực diễn biến phức tạp điều này khiến chi phí vận tải đường biển tăng nhiều lần, từ đó khiến cho nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp bị đứt gãy và tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Để tồn tại nhiều doanh nghiệp phải điều chỉnh sản xuất chủ động tiết kiệm chi phí, thay đổi cách thức quản lý vận hành doanh nghiệp. Ngoài ra do giá đầu vào tăng cao khiến mặt chi phí sản xuất tăng cao, kéo giá hàng hóa tăng vọt khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, hàng hóa sản xuất ra không bán được, lượng hàng tồn kho nhiều, hậu quả nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất và sa thải lao động. Hàng vạn lao động phải nghỉ việc hoặc ngừng việc, thu nhập giảm xuống. Số doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất hoặc giải thể ngày càng tăng lên. Một bộ phận lao động nghỉ việc nộp đơn hưởng trợ cấp thất nghiệp tăng cao từ đó gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội của nhà nước.

Câu 1. Với sự biến động của giá cả cũng như chi phí đầu vào được đề cập trong thông tin trên sẽ tác động đến xu hướng cung theo chiều hướng nào dưới đây?

- A. Cung tăng, cầu giảm. B. Cung giảm và cầu giảm.
C. Cung giảm, cầu tăng. D. Cung tăng và cầu tăng.

Câu 2. Trong thông tin trên, yếu tố nào dưới đây **không** tác động đến cung về hàng hóa đối với các doanh nghiệp?

- A. Chi phí đầu vào tăng. B. Nhiều lao động mất việc.

C. Chi phí vận chuyển tăng.

D. Giá xăng dầu tăng.

Câu 3. Hình thức thất nghiệp nào dưới đây phù hợp với nội dung được phản ánh trong thông tin trên?

A. Thất nghiệp tự nguyện.

B. Thất nghiệp tự nhiên.

C. Thất nghiệp tạm thời.

D. Thất nghiệp cơ cấu.

Câu 4. Với tình hình hiện tại của các doanh nghiệp được đề cập trong thông tin trên, cung của thị trường lao động sẽ biến động theo xu hướng nào dưới đây?

A. Thị trường lao động cân bằng.

B. Thị trường lao động sẽ thừa.

C. Lao động dồi dào sẽ giảm.

D. Thị trường lao động sẽ thiếu.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23,24

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, lạm phát ở Việt Nam được kiểm soát ở mức thấp là 1,84%. Trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước.

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu làm cho lạm phát toàn cầu tăng là

A. tăng theo áp lực của toàn cầu.

B. giá cước vận chuyển tăng.

C. giá nguyên liệu tăng.

D. giá nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất tăng.

Câu 2. Chỉ số 1,84% phản ánh điều gì?

A. Mức độ lạm phát.

B. Lạm phát.

C. Chỉ số tiêu dùng.

D. Phần trăm tăng thêm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Ông D - trợ lý văn phòng tại công ty xuất khẩu thủy sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhân công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm lý chán nản...

a) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện.

b) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu.

c) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai.

d) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, anh D cho biết cảm thấy “chóng mặt” vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

a) Giá cả không bị biến động do sự thay đổi của chi phí sản xuất.

b) Anh D sẽ phải giảm nhu cầu một số mặt hàng không thiết yếu do giá cả tăng.

c) Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng lạm phát trong thông tin trên là do chi phí sản xuất tăng.

d) Giá cả sinh hoạt tăng không ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Sau dịp Tết Nguyên Đán thị trường lao động ở nước ta có nhiều biến động, người lao động có xu hướng không quay trở lại các doanh nghiệp cũ để làm việc mà chủ động đi tìm các công việc mới phù hợp và hấp dẫn hơn khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu lao động để mở rộng sản xuất và duy trì các đơn hàng đã ký kết. Để khắc phục tình trạng này, nhiều doanh nghiệp đã đưa ra một số chính sách hấp dẫn để lôi kéo người lao động như: hỗ trợ tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ bảo hiểm cũng như một số quyền lợi hấp dẫn khác. Đặc biệt có một số doanh nghiệp đã sử dụng “cò” tuyển dụng để chủ động liên hệ với các công nhân có tay nghề đang làm trong các doanh nghiệp khác để mời chào, lôi kéo họ từ bỏ công ty cũ về công ty mới làm việc với mức lương hấp dẫn. Chính điều này đã tạo nên sự thiếu công bằng trong việc tuyển dụng lao động, làm cho nhiều doanh nghiệp làm ăn chân chính bị thiệt hại nặng.

a) Việc thị trường lao động và thị trường việc làm vận hành trái ngược nhau sau dịp Tết nguyên Đán sẽ tác động lớn đến mối quan hệ cung - cầu của nền kinh tế.

b) Khi tuyển dụng các doanh nghiệp đưa ra các biện pháp như; hỗ trợ tiền tăng ca, hỗ trợ chi phí đi lại thể hiện việc cạnh tranh không lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế.

c) Nhà nước sử dụng vai trò của mình để can thiệp trực tiếp vào thị trường lao động nhằm giải quyết tốt vấn đề việc làm giúp các doanh nghiệp cân bằng cung - cầu là phù hợp ở thời điểm này.

d) Theo thông tin trên cho thấy, cầu về thị trường lao động sau dịp tết Nguyên đán thường có xu hướng tăng cao.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Vào cao điểm mùa du lịch năm 2024, ngành du lịch dự báo nhu cầu đi du lịch của người dân sẽ tăng cao. Tuy nhiên giá vé máy bay đã khiến giá tour du lịch tăng và ảnh hưởng đến sự lựa chọn các điểm đến nội địa của du khách, nhu cầu du lịch nội địa giảm đáng kể. Khi giá vé máy bay tăng, du khách sẽ ưu tiên chọn tour quốc tế hơn tour nội địa. Đồng thời, việc tăng giá vé máy bay sẽ làm giảm sức cạnh tranh khu vực trong việc thu hút khách quốc tế, ngay cả các điểm đến địa phương ở trong nước cũng sẽ giảm nguồn thu từ du khách. Trong bối cảnh đó, nhiều hãng du lịch đã cơ cấu lại sản phẩm, tăng các chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại nhằm giữ chân khách hàng. Lữ hành Saigontourist phối hợp cùng Vietnam Airlines xây dựng sản phẩm ưu đãi với chuyến bay khởi hành sau 21h hàng ngày đến các điểm đến du lịch trong nước với mức giá vé máy bay giảm hơn 50% và miễn phí đêm khách sạn đầu tiên trong chương trình tour.

a) Giá vé máy bay trong nước cao hơn giá vé quốc tế cho cùng chặng bay phản ánh việc cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp quốc tế.

b) Giá vé máy bay được hình thành theo cơ chế thị trường nên nhà nước không cần can thiệp để giảm giá vé là phù hợp.

c) Chính sách hỗ trợ về giá và khuyến mại để thu hút khách du lịch là **không** phù hợp với nguyên tắc cạnh tranh công bằng trong nền kinh tế.

d) Giá vé máy bay tăng cao sẽ khiến cho cung về dịch vụ du lịch tăng nhưng cầu về dịch vụ du lịch giảm.

---HẾT---

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi

Bài thi: GDIKTPL 11 (s.ahg.) Ngày thi:/...../ 20.....

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 1

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 2

1. Hội đồng thi:.....
2. Điểm thi:.....
3. Phòng thi số:.....
4. Họ và tên thí sinh:.....
5. Ngày sinh:/...../.....(Nam/ Nữ).
6. Chữ ký của thí sinh:.....

7. Số báo danh 8. Mã đề thi

A 10x10 grid of circles with a 10x4 grid of squares above it. The grid is labeled 0-9 on the left and right. The 10x4 grid is labeled 0-9 on the left and right. The 10x4 grid is labeled 0-9 on the left and right.

Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau Phiếu này.

PHẦN I

	A	B	C	D
1	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐
10	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
11	☐	☐	☐	☐
12	☐	☐	☐	☐
13	☐	☐	☐	☐
14	☐	☐	☐	☐
15	☐	☐	☐	☐
16	☐	☐	☐	☐
17	☐	☐	☐	☐
18	☐	☐	☐	☐
19	☐	☐	☐	☐
20	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
21	☐	☐	☐	☐
22	☐	☐	☐	☐
23	☐	☐	☐	☐
24	☐	☐	☐	☐
25	☐	☐	☐	☐
26	☐	☐	☐	☐
27	☐	☐	☐	☐
28	☐	☐	☐	☐
29	☐	☐	☐	☐
30	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
31	☐	☐	☐	☐
32	☐	☐	☐	☐
33	☐	☐	☐	☐
34	☐	☐	☐	☐
35	☐	☐	☐	☐
36	☐	☐	☐	☐
37	☐	☐	☐	☐
38	☐	☐	☐	☐
39	☐	☐	☐	☐
40	☐	☐	☐	☐

PHẦN II

Câu 1		Câu 2	
Đúng	Sai	Đúng	Sai
a, ☐	☐	☐	☐
b, ☐	☐	☐	☐
c, ☐	☐	☐	☐
d, ☐	☐	☐	☐

Câu 3		Câu 4	
Đúng	Sai	Đúng	Sai
a, ☐	☐	☐	☐
b, ☐	☐	☐	☐
c, ☐	☐	☐	☐
d, ☐	☐	☐	☐

Câu 5		Câu 6	
Đúng	Sai	Đúng	Sai
a, ☐	☐	☐	☐
b, ☐	☐	☐	☐
c, ☐	☐	☐	☐
d, ☐	☐	☐	☐

Câu 7			Câu 8	
	Đúng	Sai	Đúng	Sai
a,	☐	☐	☐	☐
b,	☐	☐	☐	☐
c,	☐	☐	☐	☐
d,	☐	☐	☐	☐

PHẦN III

Câu 1

--	--	--	--

— ○

9 ○ ○

0 ○ ○ ○ ○

1 ○ ○ ○ ○

2 ○ ○ ○ ○

3 ○ ○ ○ ○

4 ○ ○ ○ ○

5 ○ ○ ○ ○

6 ○ ○ ○ ○

7 ○ ○ ○ ○

8 ○ ○ ○ ○

9 ○ ○ ○ ○

Câu 2

--	--	--	--

— ○

,

0 ○ ○ ○ ○

1 ○ ○ ○ ○

2 ○ ○ ○ ○

3 ○ ○ ○ ○

4 ○ ○ ○ ○

5 ○ ○ ○ ○

6 ○ ○ ○ ○

7 ○ ○ ○ ○

8 ○ ○ ○ ○

9 ○ ○ ○ ○

Câu 3

--	--	--	--

– ○

9 ○ ○

0	○	○	○	○
1	○	○	○	○
2	○	○	○	○
3	○	○	○	○
4	○	○	○	○
5	○	○	○	○
6	○	○	○	○
7	○	○	○	○
8	○	○	○	○
9	○	○	○	○

Câu 4

--	--	--	--

- ○

5	○	○		
0	○	○	○	○
1	○	○	○	○
2	○	○	○	○
3	○	○	○	○
4	○	○	○	○
5	○	○	○	○
6	○	○	○	○
7	○	○	○	○
8	○	○	○	○
9	○	○	○	○

Câu 5

--	--	--	--

— ○

, ○ ○

0	○	○	○	○
1	○	○	○	○
2	○	○	○	○
3	○	○	○	○
4	○	○	○	○
5	○	○	○	○
6	○	○	○	○
7	○	○	○	○
8	○	○	○	○
9	○	○	○	○

Câu 6

--	--	--	--

○

,

○ ○

0 ○ ○ ○ ○

1 ○ ○ ○ ○

2 ○ ○ ○ ○

3 ○ ○ ○ ○

4 ○ ○ ○ ○

5 ○ ○ ○ ○

6 ○ ○ ○ ○

7 ○ ○ ○ ○

8 ○ ○ ○ ○

9 ○ ○ ○ ○

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I LỚP 11 - SÁNG

Môn thi: Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Câu hỏi	MÃ ĐỀ THI							118
	111	113	115	117	112	114	116	
1	A	B	B	C	A	A	C	D
2	C	D	A	B	D	B	D	A
3	A	A	B	C	D	D	A	B
4	D	C	B	B	C	A	C	A
5	B	B	A	C	D	A	B	C
6	C	B	B	D	B	B	B	D
7	D	C	B	D	B	B	C	B
8	A	B	C	B	C	C	C	A
9	C	B	D	D	A	B	A	C
10	A	D	B	C	A	A	C	C
11	B	B	C	C	A	B	A	D
12	A	D	A	D	D	D	A	A
13	D	A	C	A	D	D	A	B
14	B	B	A	B	D	D	B	C
15	A	B	B	A	B	C	C	C
16	C	D	A	D	B	B	B	A
17	D	A	C	D	D	D	C	D
18	A	C	A	D	A	A	A	B
19	D	D	C	C	A	A	A	B
20	B	B	B	A	C	C	A	B
21	B	A	D	D	D	C	B	C
22	A	B	A	C	C	C	C	B
23	D	D	A	C	C	A	D	D
24	C	D	A	D	C	C	D	B
25	SSĐS	SĐSS	SSSĐ	SĐSS	SSĐĐ	ĐSSĐ	ĐSSĐ	SĐĐS
26	ĐSSS	ĐSSS	SĐĐS	ĐSSS	SSSS	SSSS	ĐSSĐ	SĐĐS
27	ĐĐSS	ĐĐSS	SSSĐ	ĐĐSS	ĐSĐS	SĐĐS	SSSS	ĐSSĐ
28	ĐSSĐ	SĐĐS	ĐSSĐ	SSĐĐ	ĐSĐS	SĐĐS	SĐĐS	SSSS

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Môn: Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Thời gian làm bài: 45 phút

(không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ: 111

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lạm phát?

- A. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.
- B. Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.
- C. Tình trạng lạm phát là biểu hiện đồng tiền của quốc gia bị mất giá.
- D. Lạm phát tăng cao có tác động xấu đến đời sống kinh tế và xã hội.

Câu 2. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kĩ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung không đổi. B. Cung bằng cầu. C. Cung tăng lên. D. Cung giảm xuống.

Câu 3. Là người tiêu dùng, em sẽ lựa chọn thời điểm nào sau đây để mua hàng hóa có lợi nhất?

- A. Cung = cầu. B. Cung < cầu. C. Cung > cầu. D. Cung $\geq$ cầu.

Câu 4. Việc có nhiều hãng sữa cùng kinh doanh trên thị trường Việt nam sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với người tiêu dùng?

- A. Gia tăng nguồn thu ngân sách. B. Tiếp cận nguồn thông tin sai lệch.
- C. Sử dụng các sản phẩm chất lượng. D. Mở rộng thị trường lao động.

Câu 5. Hiện nay trên các tuyến phố, các cửa hàng ở thành phố X có chương trình giảm giá, khuyến mãi 50% - 70% nhiều mặt hàng để kích thích tiêu dùng. Xét về mặt quan hệ cung cầu thì các cửa hàng này đã vận dụng tốt quan hệ nào dưới đây?

- A. Giá cả ảnh hưởng tới cung cầu. B. Giá cả tăng, cung tăng.
- C. Cung cầu ảnh hưởng tới giá cả. D. Giá cả giảm, cầu giảm.

Câu 6. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

- A. khủng hoảng. B. suy thoái. C. thất nghiệp. D. lạm phát.

Câu 7. Vì sao tình trạng thừa tiền trong lưu thông lại có thể dẫn đến lạm phát?

- A. Vì người có quá nhiều tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một món hàng.
- B. Mọi người không có đủ tiền để mua các món hàng hóa mà mình cần thiết.
- C. Vì số tiền mà người tiêu dùng bỏ ra để mua hàng hóa không đáng kể.
- D. Vì số lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng là không đủ.

Câu 8. Nhân tố nào sau đây KHÔNG ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

- A. giá cả hàng hóa, dịch vụ. B. giá cả những hàng hóa dịch vụ thay thế.
- C. số lượng người bán hàng hóa, dịch vụ. D. thu nhập của người tiêu dùng.

Câu 9. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

- A. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái. B. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.
- C. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn. D. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm.

Câu 10. Việc mở rộng quy mô và chất lượng các trường dạy nghề là góp phần thực hiện tốt nội dung nào dưới đây trong việc kiềm chế tỷ lệ thất nghiệp?

- A. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo. B. Thúc đẩy sản xuất và dịch vụ.
- C. Tăng hiệu quả sử dụng vốn. D. Mở rộng quy mô giáo dục.

Câu 11. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của việc cạnh tranh không lành mạnh?

A. Nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa.

B. Đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc.

C. Xâm phạm bí mật kinh doanh.

D. Đãi ngộ tốt đối với lao động có tay nghề cao.

Câu 12. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Cơ chế tinh giảm lao động.

B. Do tái cấu trúc hoạt động.

C. Thiếu kỹ năng làm việc.

D. Đơn hàng công ty sụt giảm.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

A. Huy hoại tài nguyên môi trường.

B. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh.

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

D. Tăng cường đầu cơ tích trữ.

Câu 14. “Để đáp ứng được nhu cầu của xã hội, doanh nghiệp của anh H thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn nâng cao tay nghề cho nhân viên”. Theo em, cạnh tranh đã có vai trò như thế nào trong trường hợp trên?

A. Cạnh tranh khiến doanh nghiệp bổ sung trang thiết bị hiện đại.

B. Cạnh tranh giúp nâng cao chất lượng sản phẩm.

C. Cạnh tranh giúp nâng cao trình độ người lao động.

D. Cạnh tranh giúp phân bổ linh hoạt các nguồn lực của chủ thể kinh tế.

Câu 15. Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, mức độ tăng của giá cả ở một con số hàng năm ($0\% < CPI < 10\%$) được gọi là tình trạng gì?

A. lạm phát phi mã.

B. siêu lạm phát.

C. lạm phát vừa phải.

D. lạm phát nghiêm trọng.

Câu 16. Cầu về phòng khách sạn gần biển tăng mạnh vào dịp hè nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

A. Giá phòng khách sạn bão hòa.

B. Giá phòng khách sạn giảm xuống.

C. Giá phòng khách sạn ổn định.

D. Giá phòng khách sạn tăng lên.

Câu 17. Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

A. vị trí.

B. việc làm.

C. bạn đời.

D. chỗ ở.

Câu 18. Các chủ thể kinh tế không ngừng cạnh tranh về giá cả và chất lượng của sản phẩm đưa ra thị trường, đối tượng hưởng lợi từ đó là ai?

A. Người bán hàng nhỏ lẻ.

B. Người nắm vai trò trung gian.

C. Người tiêu dùng.

D. Người nhập nguyên liệu sản xuất.

Câu 19. Vào năm 2008 siêu lạm phát ở Zimbabwe đã gây ra các thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế của đất nước trong khu vực Nam Phi này. Theo em, lí do nào khiến cho nền kinh tế của đất nước này rơi vào lạm phát?

A. Người dân ồ ạt di cư ra nước ngoài, nguồn lao động trong nước bị giảm sút dẫn đến suy thoái nền kinh tế.

B. Do các phương án cải cách ruộng đất không hiệu quả dẫn đến sản lượng của nước này liên tục tụt giảm trong một thời gian dài.

C. Chi tiêu của Chính phủ tăng lên trong khi nguồn thuế ngày càng thụt giảm dẫn đến Nhà nước phải in thêm tiền.

D. Có nhiều sản phẩm được thu gom cho xuất khẩu khiến lượng hàng cung cho thị trường trong nước giảm.

Câu 20. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm ($10\%-1\,000\%$), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

A. Siêu lạm phát.

B. Lạm phát vừa phải.

C. Lạm phát phi mã.

D. Lạm phát nghiêm trọng.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 21, 22

Năm 1985, Việt Nam tiến hành đổi tiền theo Quyết định số 01/HDBT-TĐ ngày 13/9/1985. Sau cuộc đổi tiền, nền kinh tế rơi vào tình trạng lạm phát tăng cao: CPI năm 1986 tăng lên 114,7%, năm 1987 là 323,1%, năm 1988 là 393%.

Câu 21. Trong nền kinh tế, lạm phát phi mã sẽ làm cho đồng tiền

A. Bị khủng hoảng nghiêm trọng.

B. mất giá một cách nhanh chóng.

C. không bị ảnh hưởng gì.

D. giữ nguyên giá trị vốn có.

Câu 22. Lạm phát ở Việt Nam trong giai đoạn 1986- 1988 thuộc loại lạm phát nào dưới đây?

A. Siêu lạm phát.

B. Lạm phát nghiêm trọng.

C. Lạm phát vừa phải.

D. Lạm phát phi mã.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24

Vợ chồng anh H và chị D sinh sống tại thành phố X, do kinh tế khó khăn, công ty nơi anh H làm việc bị phá sản nên anh H quyết định đưa cả gia đình về quê sinh sống. Sau khi tìm hiểu một số công ty, anh H quyết định nộp hồ sơ xin việc vào một số công ty trên địa bàn. Chị D ngày trước ở nhà làm công việc nội trợ, sau khi chuyển về quê, chị được giới thiệu vào làm tạp vụ tại một cơ sở sản xuất kinh doanh với mức lương thấp nên chị chưa muốn đi làm. Bố anh là ông K năm nay 55 tuổi, đã làm cho một công ty sản xuất ô tô gần 30 năm. Vì có trình độ tay nghề cao nên khi doanh nghiệp tái cơ cấu, ông K tiếp tục làm việc đến khi về hưu. Em trai anh H là anh Y là kỹ sư công nghệ thông tin cho một công ty có vốn nước ngoài.

Câu 23. Chủ thể nào dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp tạm thời?

A. Anh Y.

B. Chị D.

C. Ông K.

D. Anh H.

Câu 24. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của một số lao động trong trường hợp trên là do

A. cơ sở sản xuất đóng cửa.

B. nghỉ hưu theo chế độ.

C. vi phạm kỷ luật lao động.

D. thay đổi chỗ cư trú.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, chị DT cho biết cảm thấy “chóng mặt” vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

a) Giá cả tăng cao sẽ làm thay đổi cầu của người tiêu dùng về hàng hóa.

b) Tình trạng tăng giá kéo dài đời sống người dân sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

c) Tăng lương là biện pháp hữu hiệu nhất để kiềm chế lạm phát và nâng cao mức sống người dân.

d) Chi phí sản xuất tăng cao là nguyên nhân gây ra hiện tượng lạm phát.

Câu 2. Từ tháng 4-2023 đến nay, Công ty CP Di chuyển Xanh và Thông minh (GSM) đã triển khai việc đưa ô tô điện vào khai thác trong lĩnh vực taxi. Hãng taxi điện "phủ sóng" tại các thành phố lớn, khu du lịch với 2.500 chiếc chỉ sau 5 tháng hoạt động, tương đương số lượng xe của các hãng taxi lớn đã có mặt trên thị trường hàng chục năm qua. Nhiều hãng vận tải khác như Sun Taxi, Lado Taxi... thời gian qua cũng đầu tư mạnh mua xe điện để thay thế dần xe xăng với mục đích tăng thêm trải nghiệm cho khách hàng và bắt kịp xu thế. Các hãng này cho biết đã nhận được phản hồi khá tích cực từ phía khách hàng nhờ giá cước không quá cao, không phải trả thêm phụ phí như các ứng dụng gọi xe công nghệ, xe chạy êm.

a) Xe điện ra đời cạnh tranh và có thể dẫn đến việc xe xăng truyền thống bị xóa sổ là thể hiện cạnh tranh không lành mạnh.

b) Sự ra đời hãng xe điện tạo ra sự cạnh tranh giữa các hãng taxi.

c) Việc một số hãng thay thế xe xăng bằng xe điện kết hợp việc mở rộng các ứng dụng tiện ích là phù hợp giúp khách hàng có nhiều cơ hội lựa chọn dịch vụ và được hưởng nhiều ưu đãi.

d) Mục đích của cạnh tranh là góp phần mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng.

Câu 3. Ông D – trợ lý văn phòng tại công ty xuất khẩu thủy sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhận công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm li chán nản...

a) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu.

b) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện.

c) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai.

d) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu.

Câu 4. Do giá cả phê giảm mạnh, người dân Tây Nguyên đang có xu hướng chặt bỏ cây cà phê để đầu tư vào cây tiêu, gây nguy cơ mất cân đối quy hoạch cây trồng chủ lực mang lại giá trị kinh tế cao tại vùng đất đỏ bazan này. Thiều thốn về kinh tế khiến người nông dân không nghĩ được xa hơn. Giá tiêu đang lên, nên nhiều nông dân chuyển hướng đầu tư trồng loại cây này với hi vọng có thêm thu nhập cao hơn.

- a) Giá tiêu tăng là do nhu cầu mua tiêu của người dân tăng cao.
- b) Giá cà phê giảm mạnh là nguyên nhân chính làm cho diện tích cà phê thu hẹp.
- c) Giá tiêu tăng làm cho người dân chuyển hướng mở rộng diện tích trồng tiêu là vận dụng đúng quy luật cung - cầu.
- d) Nhu cầu mua cà phê nhiều làm cho giá cà phê giảm mạnh.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

MÃ ĐỀ: 112

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10%- 1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. lạm phát phi mã. B. lạm phát nghiêm trọng.
C. lạm phát vừa phải. D. siêu lạm phát.

Câu 2. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lạm phát?

- A. Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.
B. Lạm phát tăng cao có tác động xấu đến đời sống kinh tế và xã hội.
C. Tình trạng lạm phát là biểu hiện đồng tiền của quốc gia bị mất giá.
D. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.

Câu 3. Vào năm 2008 siêu lạm phát ở Zimbabwe đã gây ra các thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế của đất nước trong khu vực Nam Phi này. Theo em, lí do nào khiến cho nền kinh tế của đất nước này rơi vào lạm phát?

- A. Chi tiêu của Chính phủ tăng lên trong khi nguồn thuế ngày càng sụt giảm dẫn đến Nhà nước phải in thêm tiền.
B. Người dân ồ ạt di cư ra nước ngoài, nguồn lao động trong nước bị giảm sút dẫn đến suy thoái nền kinh tế.
C. Có nhiều sản phẩm được thu gom cho xuất khẩu khiến lượng hàng cung cho thị trường trong nước giảm.
D. Do các phương án cải cách ruộng đất không hiệu quả dẫn đến sản lượng của nước này liên tục sụt giảm trong một thời gian dài.

Câu 4. Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Giá cả của các hàng hóa cùng loại. B. Thu nhập của người tiêu dùng.
C. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp. D. Giá cả của hàng hóa đó.

Câu 5. Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

- A. thất nghiệp chu kì. B. thất nghiệp tạm thời.
C. thất nghiệp cơ cấu. D. thất nghiệp tự nguyện.

Câu 6. Vì sao tình trạng thừa tiền trong lưu thông lại có thể dẫn đến lạm phát?

- A. Mọi người không có đủ tiền để mua các món hàng hóa mà mình cần thiết.
B. Vì số lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng là không đủ.
C. Vì người có quá nhiều tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một món hàng.
D. Vì số tiền mà người tiêu dùng bỏ ra để mua hàng hóa không đáng kể.

Câu 7. Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã thì nền kinh tế đó ở vào trạng thái

- A. lạm phát phi mã. B. lạm phát vừa phải. C. siêu lạm phát. D. lạm phát toàn diện

Câu 8. Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của quan hệ cung cầu đối với chủ thể tiêu dùng là gì?

- A. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách bình ổn thị trường.
B. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách cân đối cung cầu.

C. Là căn cứ để lựa chọn việc mua hàng hóa phù hợp.

D. Là tác nhân trực tiếp khiến giá cả thường xuyên biến động.

Câu 9. Nếu thị trường kinh tế thiếu đi sự cạnh tranh sẽ dẫn đến điều gì?

A. Nền kinh tế thị trường sẽ không có động lực phát triển.

B. Các chủ thể kinh tế sẽ không có hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

C. Các chủ thể kinh tế sẽ có được nguồn lợi nhuận thích đáng thuộc về mình.

D. Các đối thủ của nhau sẽ không có cơ hội giành giật lợi ích kinh tế.

Câu 10. Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bắt lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

A. khủng hoảng.

B. cạnh tranh.

C. lạm phát.

D. thất nghiệp.

Câu 11. Việc có nhiều hãng sữa cùng kinh doanh trên thị trường Việt nam sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với người tiêu dùng?

A. Mở rộng thị trường lao động.

B. Gia tăng nguồn thu ngân sách.

C. Tiếp cận nguồn thông tin sai lệch.

D. Sử dụng các sản phẩm chất lượng.

Câu 12. Việc làm nào dưới đây sẽ góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay?

A. sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.

B. độc quyền phân loại hàng hóa.

C. làm trái thỏa ước lao động tập thể.

D. chia đều lợi nhuận thường niên.

Câu 13. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

A. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.

B. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.

C. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm.

D. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

Câu 14. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

A. Cung giảm xuống.

B. Cung tăng lên.

C. Cung bằng cầu.

D. Cung không đổi.

Câu 15. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

A. người sản xuất với người tiêu dùng.

B. người mua với người mua.

C. người bán với người bán.

D. người sản xuất và người đầu tư.

Câu 16. Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

A. thỏa mãn.

B. ký kết.

C. thỏa hiệp.

D. ganh đua.

Câu 17. Cầu về phòng khách sạn gần biển tăng mạnh vào dịp hè nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

A. Giá phòng khách sạn bão hòa.

B. Giá phòng khách sạn tăng lên.

C. Giá phòng khách sạn giảm xuống.

D. Giá phòng khách sạn ổn định.

Câu 18. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

A. khủng hoảng.

B. thất nghiệp.

C. suy thoái.

D. lạm phát.

Câu 19. Hiện tượng xảy ra do người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc và mức lương chưa phù hợp với họ được gọi là

A. thất nghiệp không tự nguyện.

B. thất nghiệp tự nguyện.

C. thất nghiệp chu kỳ.

D. thất nghiệp cơ cấu.

Câu 20. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của việc cạnh tranh không lành mạnh?

A. Đãi ngộ tốt đối với lao động có tay nghề cao.

B. Xâm phạm bí mật kinh doanh.

C. Đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc.

D. Nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 21, 22

Theo kết quả khảo sát gần đây với 5.000 khách hàng, đã chỉ ra rằng những cửa hàng bán Trà sữa không có sự phát triển lớn chủ yếu là do thiếu đầu tư vào việc quảng bá và tiếp thị sản phẩm. Việc đầu tư đáng giá vào hoạt động quảng bá sẽ tạo ra kết quả bất ngờ trong việc thu hút khách hàng! Bạn có thể bắt đầu quảng bá sản phẩm Trà sữa của mình thông qua các ứng dụng chuyên về ẩm thực như Foody, Lozi... hoặc chạy các

chiến dịch quảng cáo trên Google, Facebook, thực hiện các chiến lược SEO, và thậm chí cung cấp thẻ tích điểm cho khách hàng. Có nhiều phương pháp marketing khác nhau và bạn nên cân nhắc và chọn lựa hình thức phù hợp nhất với điều kiện của quán mình.

Câu 21. Trong thông tin trên, quán trà sữa nâng cao năng lực cạnh tranh của mình bằng hành động nào sau đây?

- A. Tích trữ để nâng giá.
- B. Tích điểm cho người tiêu dùng.
- C. Đảm bảo an toàn thực phẩm.
- D. Khuyến mãi giảm giá.

Câu 22. Để kinh doanh thu được nhiều lợi nhuận hơn quán trà sữa **không** nên sử dụng hành vi cạnh tranh của mình bằng hành động nào sau đây?

- A. Quảng cáo trên các ứng dụng mạng xã hội.
- B. Thay đổi kiểu dáng giống quán đông khách.
- C. Tích điểm cho người tiêu dùng.
- D. Pha chế thật nguyên liệu chất lượng.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 23, 24

Nếp cái hoa vàng hay còn gọi là nếp bắc là loại lúa nếp được cấy trồng vào vụ mùa (khoảng từ tháng 5 đến tháng 10 âm lịch) ở các tỉnh trung du, đồng bằng Bắc Bộ và khi trổ bông thì phần hoa có màu vàng (chứ không phải là màu trắng như các giống lúa thông thường). Đây là loại nếp có hạt tròn to, vị ngọt nhẹ, cơm dẻo, mềm, thơm tự nhiên và có thành phần dinh dưỡng khá cao: Protein: Chiếm 71.6 %, canxi 32 mg (3%), sắt 0.80 mg (6%), magiê 28 mg (7%). Vì thế nên nếp cái hoa vàng thường được sử dụng để gói bánh chưng ngày Tết. Gần đến Tết nguyên đán, nhu cầu mua gạo nếp ăn Tết tăng cao khiến nguồn cung không đủ, giá cả cũng sôi động hơn trên thị trường. Giá gạo nếp trên thị trường dao động từ 30.000 đến 50.000 đồng/kg.

Câu 23. Trong những nhân tố dưới đây, nhân tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến cầu về dịch vụ, hàng hoá trong trường hợp trên?

- A. Thu nhập của người tiêu dùng.
- B. Đặc điểm của gạo nếp cái hoa vàng.
- C. Tâm lí, tập quán hoặc thị hiếu của người tiêu dùng.
- D. Dự đoán của người tiêu dùng về thị trường.

Câu 24. Trong trường hợp trên vào dịp gần Tết, cung, cầu sẽ có biểu hiện như thế nào?

- A. Cung lớn hơn cầu.
- B. Cung bằng cầu.
- C. Cung nhỏ hơn cầu.
- D. Cung, cầu tác động lẫn nhau.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Trên địa bàn huyện X có anh D, chị H và anh Y cùng sinh sống. Sau khi tốt nghiệp Đại học, do không tìm được việc làm, chị H nộp hồ sơ và được nhận vào làm việc tại công ty Z, sau 2 năm làm việc do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H do không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc. Sau đó chị đã dùng số tiền trợ cấp này để mở một cửa hàng tạp hóa, công việc dần đi vào ổn định. Anh D sau khi làm một thời gian tại công ty V do nền kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, khiến công ty bị phá sản nên buộc phải nghỉ việc và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh Y, vốn là kỹ sư có tay nghề cao vì được trả lương thấp nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

- a) Lao động trình độ cao có xu hướng tìm được việc làm dễ dàng hơn so với các lao động có trình độ thấp.
- b) Anh D và anh Y bị thất nghiệp là do nguyên nhân khách quan.
- c) Công ty bị phá sản khiến anh D bị mất việc là phù hợp với loại hình thất nghiệp chu kỳ.
- d) Anh Y và chị H là những người đang thất nghiệp cần tìm kiếm việc làm.

Câu 2. Để kiềm chế lạm phát, căn cứ vào tờ trình của Chính phủ, Quốc hội đã quyết định giảm mức thuế BVMT 1.700 đồng/lít so với mức trần từ ngày 1/1/2023 sẽ góp phần làm giảm giá bán lẻ dầu mazut, dầu nhờn (bao gồm cả phần giảm thuế GTGT) tương ứng là 1.870 đồng/lít. Đối với mỡ nhờn: Với việc giảm mức thuế BVMT 1.700 đồng/kg so với mức trần từ ngày 1/1/2023 sẽ góp phần làm giảm giá bán lẻ mỡ nhờn (bao gồm cả phần giảm thuế GTGT) tương ứng là 1.870 đồng/kg.

- a) Việc giảm giá chỉ là tạm thời.
- b) Nhà nước sử dụng thuế để kiềm chế lạm phát.
- c) Việc giảm giá các mặt hàng là do nhu cầu của người dân giảm.
- d) Quốc hội là cơ quan ra quyết định giảm mức thuế.

Câu 3. Năm 1985, chỉ số CPI tăng đến 92%, năm 1986 lên tới 775%, nền kinh tế bước vào thời kỳ lạm phát dữ dội với tỷ lệ tăng 3 con số kéo dài trong 2 năm tiếp theo. Phân phối lưu thông trong tình trạng rối ren, diễn biến theo chiều hướng xấu. Giá cả biến động phức tạp. Đồng tiền mất giá nhanh, tâm lý người tiêu dùng không muốn giữ tiền mặt, tìm cách mua hàng dự trữ để đảm bảo, làm tăng thêm tình trạng căng thẳng về hàng hóa vốn đã thiếu so với nhu cầu.

- a) Tình hình hàng hóa trong thời kỳ 1985- 1986 được bình ổn
- b) Mức độ lạm phát nói trên thể hiện lạm phát phi mã.
- c) Lạm phát phi mã làm cho đồng tiền bị mất giá.
- d) Giá cả trong thời kỳ lạm phát phi mã giữ ổn định.

Câu 4. Theo xu thế nâng cao chất lượng của thị trường giày dép thế giới, các yêu cầu về giày dép xuất khẩu ở hầu hết các thị trường sẽ ngày càng trở nên khắt khe hơn, nhiều ràng buộc kỹ thuật hơn. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý đến nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng sản phẩm giày dép nhằm thu được tỷ lệ lợi nhuận cao hơn. Trong những năm gần đây, một số doanh nghiệp trong ngành giày dép đã đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa một số công đoạn sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, quá trình sản xuất mới được cơ giới hóa mà chưa tự động hóa, tỷ lệ công việc làm thủ công còn ở mức cao, do vậy năng suất lao động vẫn còn thấp. Trong lĩnh vực sản xuất giày dép của Việt Nam mới chỉ bước đầu ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0 trong sản xuất một số loại giày đặc chủng, giày thể thao chuyên dụng, giày y tế và giày thời trang cao.

- a) Trong thông tin trên, để nâng cao năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp giày dép Việt Nam cần tìm thật nhiều nguồn nguyên liệu giá rẻ không cần chú ý nhiều chất lượng.
- b) Mục đích nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp giày dép là vì lợi nhuận.
- c) Doanh nghiệp giày dép Việt Nam đã ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm đó chính là vai trò của cạnh tranh.
- d) Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh thị trường giày dép là sự tồn tại nhiều doanh nghiệp giày dép có điều kiện sản xuất, kinh doanh giống nhau.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Môn: Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ: 113

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10%-1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. Lạm phát nghiêm trọng. B. Siêu lạm phát.
C. Lạm phát vừa phải. D. Lạm phát phi mã.

Câu 2. Vì sao tình trạng thừa tiền trong lưu thông lại có thể dẫn đến lạm phát?

- A. Vì số tiền mà người tiêu dùng bỏ ra để mua hàng hóa không đáng kể.
B. Vì số lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng là không đủ.
C. Vì người có quá nhiều tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một món hàng.
D. Mọi người không có đủ tiền để mua các món hàng hóa mà mình cần thiết.

Câu 3. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

- A. thất nghiệp. B. khủng hoảng. C. suy thoái. D. lạm phát.

Câu 4. Việc có nhiều hãng sửa cùng kinh doanh trên thị trường Việt nam sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với người tiêu dùng?

- A. Mở rộng thị trường lao động. B. Gia tăng nguồn thu ngân sách.
C. Tiếp cận nguồn thông tin sai lệch. D. Sử dụng các sản phẩm chất lượng.

Câu 5. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

- A. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm. B. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.
C. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái. D. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.

Câu 6. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của việc cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Đãi ngộ tốt đối với lao động có tay nghề cao. B. Nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa.
C. Xâm phạm bí mật kinh doanh. D. Đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc.

Câu 7. Vào năm 2008 siêu lạm phát ở Zimbabwe đã gây ra các thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế của đất nước trong khu vực Nam Phi này. Theo em, lí do nào khiến cho nền kinh tế của đất nước này rơi vào lạm phát?

- A. Chi tiêu của Chính phủ tăng lên trong khi nguồn thuế ngày càng sụt giảm dẫn đến Nhà nước phải in thêm tiền.
B. Có nhiều sản phẩm được thu gom cho xuất khẩu khiến lượng hàng cung cho thị trường trong nước giảm.
C. Người dân ồ ạt di cư ra nước ngoài, nguồn lao động trong nước bị giảm sút dẫn đến suy thoái nền kinh tế.
D. Do các phương án cải cách ruộng đất không hiệu quả dẫn đến sản lượng của nước này liên tục sụt giảm trong một thời gian dài.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Huy hoại tài nguyên môi trường. B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
C. Tăng cường đầu cơ tích trữ. D. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh.

Câu 9. Hiện nay trên các tuyến phố, các cửa hàng ở thành phố X có chương trình giảm giá, khuyến mãi 50% - 70% nhiều mặt hàng để kích thích tiêu dùng. Xét về mặt quan hệ cung cầu thì các cửa hàng này đã vận dụng tốt quan hệ nào dưới đây?

A. Giá cả tăng, cung tăng.

B. Giá cả giảm, cầu giảm.

C. Cung cầu ảnh hưởng tới giá cả.

D. Giá cả ảnh hưởng tới cung cầu.

Câu 10. “Để đáp ứng được nhu cầu của xã hội, doanh nghiệp của anh H thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn nâng cao tay nghề cho nhân viên”. Theo em, cạnh tranh đã có vai trò như thế nào trong trường hợp trên?

A. Cạnh tranh khiến doanh nghiệp bổ sung trang thiết bị hiện đại.

B. Cạnh tranh giúp nâng cao trình độ người lao động.

C. Cạnh tranh giúp phân bổ linh hoạt các nguồn lực của chủ thể kinh tế.

D. Cạnh tranh giúp nâng cao chất lượng sản phẩm.

Câu 11. Cầu về phòng khách sạn gần biển tăng mạnh vào dịp hè nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

A. Giá phòng khách sạn ổn định.

B. Giá phòng khách sạn giảm xuống.

C. Giá phòng khách sạn bão hòa.

D. Giá phòng khách sạn tăng lên.

Câu 12. Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, mức độ tăng của giá cả ở một con số hàng năm ($0\% < CPI < 10\%$) được gọi là tình trạng gì?

A. lạm phát vừa phải.

B. lạm phát phi mã.

C. siêu lạm phát.

D. lạm phát nghiêm trọng.

Câu 13. Là người tiêu dùng, em sẽ lựa chọn thời điểm nào sau đây để mua hàng hóa có lợi nhất?

A. $Cung < cầu$.

B. $Cung \geq$ cầu.

C. $Cung =$ cầu.

D. $Cung >$ cầu.

Câu 14. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

A. Cung tăng lên.

B. Cung bằng cầu.

C. Cung giảm xuống.

D. Cung không đổi.

Câu 15. Các chủ thể kinh tế không ngừng cạnh tranh về giá cả và chất lượng của sản phẩm đưa ra thị trường, đối tượng hưởng lợi từ đó là ai?

A. Người tiêu dùng.

B. Người nắm vai trò trung gian.

C. Người nhập nguyên liệu sản xuất.

D. Người bán hàng nhỏ lẻ.

Câu 16. Việc mở rộng quy mô và chất lượng các trường dạy nghề là góp phần thực hiện tốt nội dung nào dưới đây trong việc kiểm chế tỷ lệ thất nghiệp?

A. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo.

B. Tăng hiệu quả sử dụng vốn.

C. Mở rộng quy mô giáo dục.

D. Thúc đẩy sản xuất và dịch vụ.

Câu 17. Nhân tố nào sau đây KHÔNG ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

A. thu nhập của người tiêu dùng.

B. giá cả những hàng hóa dịch vụ thay thế.

C. số lượng người bán hàng hóa, dịch vụ.

D. giá cả hàng hóa, dịch vụ.

Câu 18. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Cơ chế tính giảm lao động.

B. Do tái cấu trúc hoạt động.

C. Thiếu kỹ năng làm việc.

D. Đơn hàng công ty sụt giảm.

Câu 19. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lạm phát?

A. Tình trạng lạm phát là biểu hiện đồng tiền của quốc gia bị mất giá.

B. Lạm phát tăng cao có tác động xấu đến đời sống kinh tế và xã hội.

C. Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.

D. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.

Câu 20. Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

A. việc làm.

B. chỗ ở.

C. vị trí.

D. bạn đời.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 21, 22

Năm 1985, Việt Nam tiến hành đổi tiền theo Quyết định số 01/HDBT-TD ngày 13/9/1985. Sau cuộc đổi tiền, nền kinh tế rơi vào tình trạng lạm phát tăng cao: CPI năm 1986 tăng lên 114,7%, năm 1987 là 323,1%, năm 1988 là 393%.

Câu 21. Lạm phát ở Việt Nam trong giai đoạn 1986- 1988 thuộc loại lạm phát nào dưới đây?

A. Lạm phát phi mã.

B. Lạm phát vừa phải.

C. Lạm phát nghiêm trọng.

D. Siêu lạm phát.

Câu 22. Trong nền kinh tế, lạm phát phi mã sẽ làm cho đồng tiền

A. không bị ảnh hưởng gì.

B. mất giá một cách nhanh chóng.

C. Bị khủng hoảng nghiêm trọng.

D. giữ nguyên giá trị vốn có.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24

Vợ chồng anh H và chị D sinh sống tại thành phố X, do kinh tế khó khăn, công ty nơi anh H làm việc bị phá sản nên anh H quyết định đưa cả gia đình về quê sinh sống. Sau khi tìm hiểu một số công ty, anh H quyết định nộp hồ sơ xin việc vào một số công ty trên địa bàn. Chị D ngày trước ở nhà làm công việc nội trợ, sau khi chuyển về quê, chị được giới thiệu vào làm tạp vụ tại một cơ sở sản xuất kinh doanh với mức lương thấp nên chị chưa muốn đi làm. Bố anh là ông K năm nay 55 tuổi, đã làm cho một công ty sản xuất ô tô gần 30 năm. Vì có trình độ tay nghề cao nên khi doanh nghiệp tái cơ cấu, ông K tiếp tục làm việc đến khi về hưu. Em trai anh H là anh Y là kỹ sư công nghệ thông tin cho một công ty có vốn nước ngoài.

Câu 23. Chủ thể nào dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp tạm thời?

A. Chị D.

B. Anh H.

C. Anh Y.

D. Ông K.

Câu 24. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của một số lao động trong trường hợp trên là do

A. nghỉ hưu theo chế độ.

B. thay đổi chỗ cư trú.

C. vi phạm kỷ luật lao động.

D. cơ sở sản xuất đóng cửa.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Từ tháng 4-2023 đến nay, Công ty CP Di chuyển Xanh và Thông minh (GSM) đã triển khai việc đưa ô tô điện vào khai thác trong lĩnh vực taxi. Hãng taxi điện "phủ sóng" tại các thành phố lớn, khu du lịch với 2.500 chiếc chỉ sau 5 tháng hoạt động, tương đương số lượng xe của các hãng taxi lớn đã có mặt trên thị trường hàng chục năm qua. Nhiều hãng vận tải khác như Sun Taxi, Lado Taxi... thời gian qua cũng đầu tư mạnh mua xe điện để thay thế dần xe xăng với mục đích tăng thêm trải nghiệm cho khách hàng và bắt kịp xu thế. Các hãng này cho biết đã nhận được phản hồi khá tích cực từ phía khách hàng nhờ giá cước không quá cao, không phải trả thêm phụ phí như các ứng dụng gọi xe công nghệ, xe chạy êm.

a) Mục đích của cạnh tranh là góp phần mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng.

b) Xe điện ra đời cạnh tranh và có thể dẫn đến việc xe xăng truyền thống bị xóa sổ là thể hiện cạnh tranh không lành mạnh.

c) Việc một số hãng thay thế xe xăng bằng xe điện kết hợp việc mở rộng các ứng dụng tiện ích là phù hợp giúp khách hàng có nhiều cơ hội lựa chọn dịch vụ và được hưởng nhiều ưu đãi.

d) Sự ra đời hãng xe điện tạo ra sự cạnh tranh giữa các hãng taxi.

Câu 2. Do giá cà phê giảm mạnh, người dân Tây Nguyên đang có xu hướng chặt bỏ cây cà phê để đầu tư vào cây tiêu, gây nguy cơ mất cân đối quy hoạch cây trồng chủ lực mang lại giá trị kinh tế cao tại vùng đất đỏ bazan này. Thiếu thốn về kinh tế khiến người nông dân không nghĩ được xa hơn. Giá tiêu đang lên, nên nhiều nông dân chuyển hướng đầu tư trồng loại cây này với hi vọng có thêm thu nhập cao hơn.

a) Nhu cầu mua cà phê nhiều làm cho giá cà phê giảm mạnh.

b) Giá tiêu tăng làm cho người dân chuyển hướng mở rộng diện tích trồng tiêu là vận dụng đúng quy luật cung - cầu.

c) Giá tiêu tăng là do nhu cầu mua tiêu của người dân tăng cao.

d) Giá cà phê giảm mạnh là nguyên nhân chính làm cho diện tích cà phê thu hẹp.

Câu 3. Ông D – trợ lý văn phòng tại công ty xuất khẩu thủy sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhận công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm li chán nản...

a) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu.

b) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu.

c) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện.

d) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai.

Câu 4. Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, chị DT cho biết cảm thấy "chóng mặt"

vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

- a) Chi phí sản xuất tăng cao là nguyên nhân gây ra hiện tượng lạm phát.
- b) Tăng lương là biện pháp hữu hiệu nhất để kiềm chế lạm phát và nâng cao mức sống người dân.
- c) Giá cả tăng cao sẽ làm thay đổi cầu của người tiêu dùng về hàng hóa.
- d) Tình trạng tăng giá kéo dài đời sống người dân sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

MÃ ĐỀ: 114

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

- A. thất nghiệp tự nguyện. B. thất nghiệp cơ cấu.
C. thất nghiệp tạm thời. D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 2. Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A. ký kết. B. thỏa hiệp. C. thỏa mãn. D. ganh đua.

Câu 3. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

- A. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm. B. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.
C. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn. D. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

Câu 4. Vì sao tình trạng thừa tiền trong lưu thông lại có thể dẫn đến lạm phát?

- A. Mọi người không có đủ tiền để mua các món hàng hóa mà mình cần thiết.
B. Vì số lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng là không đủ.
C. Vì người có quá nhiều tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một món hàng.
D. Vì số tiền mà người tiêu dùng bỏ ra để mua hàng hóa không đáng kể.

Câu 5. Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã thì nền kinh tế đó ở vào trạng thái

- A. lạm phát toàn diện B. siêu lạm phát. C. lạm phát vừa phải. D. lạm phát phi mã.

Câu 6. Cầu về phòng khách sạn gần biển tăng mạnh vào dịp hè nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

- A. Giá phòng khách sạn ổn định. B. Giá phòng khách sạn tăng lên.
C. Giá phòng khách sạn giảm xuống. D. Giá phòng khách sạn bão hòa

Câu 7. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10% - 1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. lạm phát nghiêm trọng. B. lạm phát vừa phải.
C. lạm phát phi mã. D. siêu lạm phát.

Câu 8. Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Giá cả của các hàng hóa cùng loại. B. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp.
C. Giá cả của hàng hóa đó. D. Thu nhập của người tiêu dùng.

Câu 9. Việc có nhiều hãng sữa cùng kinh doanh trên thị trường Việt nam sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với người tiêu dùng?

- A. Mở rộng thị trường lao động. B. Tiếp cận nguồn thông tin sai lệch.
C. Sử dụng các sản phẩm chất lượng. D. Gia tăng nguồn thu ngân sách.

Câu 10. Việc làm nào dưới đây sẽ góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. độc quyền phân loại hàng hóa. B. chia đều lợi nhuận thường niên.
C. làm trái thỏa ước lao động tập thể. D. sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.

Câu 11. Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. thất nghiệp. B. cạnh tranh. C. khủng hoảng. D. lạm phát.

Câu 12. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của việc cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Xâm phạm bí mật kinh doanh. B. Đãi ngộ tốt đối với lao động có tay nghề cao.
C. Đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc. D. Nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa.

Câu 13. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

- A. suy thoái. B. lạm phát. C. thất nghiệp. D. khủng hoảng.

Câu 14. Nếu thị trường kinh tế thiếu đi sự cạnh tranh sẽ dẫn đến điều gì?

- A. Các chủ thể kinh tế sẽ có được nguồn lợi nhuận thích đáng thuộc về mình.
B. Các đối thủ của nhau sẽ không có cơ hội giành giật lợi ích kinh tế.
C. Các chủ thể kinh tế sẽ không có hành vi cạnh tranh không lành mạnh.
D. Nền kinh tế thị trường sẽ không có động lực phát triển.

Câu 15. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lạm phát?

- A. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.
B. Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.
C. Lạm phát tăng cao có tác động xấu đến đời sống kinh tế và xã hội.
D. Tình trạng lạm phát là biểu hiện đồng tiền của quốc gia bị mất giá.

Câu 16. Hiện tượng xảy ra do người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc và mức lương chưa phù hợp với họ được gọi là

- A. thất nghiệp cơ cấu. B. thất nghiệp không tự nguyện.
C. thất nghiệp tự nguyện. D. thất nghiệp chu kì.

Câu 17. Vào năm 2008 siêu lạm phát ở Zimbabwe đã gây ra các thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế của đất nước trong khu vực Nam Phi này. Theo em, lí do nào khiến cho nền kinh tế của đất nước này rơi vào lạm phát?

- A. Do các phương án cải cách ruộng đất không hiệu quả dẫn đến sản lượng của nước này liên tục tụt giảm trong một thời gian dài.
B. Chi tiêu của Chính phủ tăng lên trong khi nguồn thuế ngày càng sụt giảm dẫn đến Nhà nước phải in thêm tiền.
C. Người dân ồ ạt di cư ra nước ngoài, nguồn lao động trong nước bị giảm sút dẫn đến suy thoái nền kinh tế.
D. Có nhiều sản phẩm được thu gom cho xuất khẩu khiến lượng hàng cung cho thị trường trong nước giảm.

Câu 18. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

- A. người mua với người mua. B. người bán với người bán.
C. người sản xuất với người tiêu dùng. D. người sản xuất và người đầu tư.

Câu 19. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kĩ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung bằng cầu. B. Cung không đổi. C. Cung giảm xuống. D. Cung tăng lên.

Câu 20. Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của quan hệ cung cầu đối với chủ thể tiêu dùng là gì?

- A. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách bình ổn thị trường.
B. Là tác nhân trực tiếp khiến giá cả thường xuyên biến động.
C. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách cân đối cung cầu.
D. Là căn cứ để lựa chọn việc mua hàng hóa phù hợp.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 21, 22

Theo kết quả khảo sát gần đây với 5.000 khách hàng, đã chỉ ra rằng những cửa hàng bán Trà sữa không có sự phát triển lớn chủ yếu là do thiếu đầu tư vào việc quảng bá và tiếp thị sản phẩm. Việc đầu tư đáng giá vào hoạt động quảng bá sẽ tạo ra kết quả bất ngờ trong việc thu hút khách hàng! Bạn có thể bắt đầu quảng bá

sản phẩm Trà sữa của mình thông qua các ứng dụng chuyên về ẩm thực như Foody, Lozi... hoặc chạy các chiến dịch quảng cáo trên Google, Facebook, thực hiện các chiến lược SEO, và thậm chí cung cấp thẻ tích điểm cho khách hàng. Có nhiều phương pháp marketing khác nhau và bạn nên cân nhắc và chọn lựa hình thức phù hợp nhất với điều kiện của quán mình.

Câu 21. Trong thông tin trên, quán trà sữa nâng cao năng lực cạnh tranh của mình bằng hành động nào sau đây?

- A. Tích trữ để nâng giá.
- B. Tích điểm cho người tiêu dùng.
- C. Đảm bảo an toàn thực phẩm.
- D. Khuyến mãi giảm giá.

Câu 22. Để kinh doanh thu được nhiều lợi nhuận hơn quán trà sữa **không** nên sử dụng hành vi cạnh tranh của mình bằng hành động nào sau đây?

- A. Thay đổi kiểu dáng giống quán đồng khách.
- B. Tích điểm cho người tiêu dùng.
- C. Pha chế thật nguyên liệu chất lượng.
- D. Quảng cáo trên các ứng dụng mạng xã hội.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 23, 24

Nếp cái hoa vàng hay còn gọi là nếp bắc là loại lúa nếp được cấy trồng vào vụ mùa (khoảng từ tháng 5 đến tháng 10 âm lịch) ở các tỉnh trung du, đồng bằng Bắc Bộ và khi trổ bông thì phần hoa có màu vàng (chứ không phải là màu trắng như các giống lúa thông thường). Đây là loại nếp có hạt tròn to, vị ngọt nhẹ, cơm dẻo, mềm, thơm tự nhiên và có thành phần dinh dưỡng khá cao: Protein: Chiếm 71.6 %, canxi 32 mg (3%), sắt 0.80 mg (6%), magiê 28 mg (7%). Vì thế nên nếp cái hoa vàng thường được sử dụng để gói bánh chưng ngày Tết. Gần đến Tết nguyên đán, nhu cầu mua gạo nếp ăn Tết tăng cao khiến nguồn cung không đủ, giá cả cũng sôi động hơn trên thị trường. Giá gạo nếp trên thị trường dao động từ 30.000 đến 50.000 đồng/kg.

Câu 23. Trong những nhân tố dưới đây, nhân tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến cầu về dịch vụ, hàng hoá trong trường hợp trên?

- A. Tâm lí, tập quán hoặc thị hiếu của người tiêu dùng.
- B. Đặc điểm của gạo nếp cái hoa vàng.
- C. Dự đoán của người tiêu dùng về thị trường.
- D. Thu nhập của người tiêu dùng.

Câu 24. Trong trường hợp trên vào dịp gần Tết, cung, cầu sẽ có biểu hiện như thế nào?

- A. Cung lớn hơn cầu.
- B. Cung, cầu tác động lẫn nhau.
- C. Cung bằng cầu.
- D. Cung nhỏ hơn cầu.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Để kiểm chế lạm phát, căn cứ vào tờ trình của Chính phủ, Quốc hội đã quyết định giảm mức thuế BVMT 1.700 đồng/lít so với mức trần từ ngày 1/1/2023 sẽ góp phần làm giảm giá bán lẻ dầu mazut, dầu nhờn (bao gồm cả phần giảm thuế GTGT) tương ứng là 1.870 đồng/lít. Đối với mỡ nhờn: Với việc giảm mức thuế BVMT 1.700 đồng/kg so với mức trần từ ngày 1/1/2023 sẽ góp phần làm giảm giá bán lẻ mỡ nhờn (bao gồm cả phần giảm thuế GTGT) tương ứng là 1.870 đồng/kg.

- a) Nhà nước sử dụng thuế để kiểm chế lạm phát.
- b) Việc giảm giá chỉ là tạm thời.
- c) Quốc hội là cơ quan ra quyết định giảm mức thuế.
- d) Việc giảm giá các mặt hàng là do nhu cầu của người dân giảm.

Câu 2. Theo xu thế nâng cao chất lượng của thị trường giày dép thế giới, các yêu cầu về giày dép xuất khẩu ở hầu hết các thị trường sẽ ngày càng trở nên khắt khe hơn, nhiều ràng buộc kỹ thuật hơn. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý đến nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng sản phẩm giày dép nhằm thu được tỷ lệ lợi nhuận cao hơn. Trong những năm gần đây, một số doanh nghiệp trong ngành giày dép đã đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa một số công đoạn sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, quá trình sản xuất mới được cơ giới hóa mà chưa tự động hóa, tỷ lệ công việc làm thủ công còn ở mức cao, do vậy năng suất lao động vẫn còn thấp. Trong lĩnh vực sản xuất giày dép của Việt Nam mới chỉ bước đầu ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0 trong sản xuất một số loại giày đặc chủng, giày thể thao chuyên dụng, giày y tế và giày thời trang cao.

a) Doanh nghiệp giày dép Việt Nam đã ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm đó chính là vai trò của cạnh tranh.

b) Trong thông tin trên, để nâng cao năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp giày dép Việt Nam cần tìm thật nhiều nguồn nguyên liệu giá rẻ không cần chú ý nhiều chất lượng.

c) Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh thị trường giày dép là sự tồn tại nhiều doanh nghiệp giày dép có điều kiện sản xuất, kinh doanh giống nhau.

d) Mục đích nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp giày dép là vì lợi nhuận.

Câu 3. Năm 1985, chỉ số CPI tăng đến 92%, năm 1986 lên tới 775%, nền kinh tế bước vào thời kỳ lạm phát dữ dội với tỷ lệ tăng 3 con số kéo dài trong 2 năm tiếp theo. Phân phối lưu thông trong tình trạng rối ren, diễn biến theo chiều hướng xấu. Giá cả biến động phức tạp. Đồng tiền mất giá nhanh, tâm lý người tiêu dùng không muốn giữ tiền mặt, tìm cách mua hàng dự trữ để đảm bảo, làm tăng thêm tình trạng căng thẳng về hàng hóa vốn đã thiếu so với nhu cầu.

a) Giá cả trong thời kỳ lạm phát phi mã giữ ổn định.

b) Mức độ lạm phát nói trên thể hiện lạm phát phi mã.

c) Lạm phát phi mã làm cho đồng tiền bị mất giá.

d) Tình hình hàng hóa trong thời kỳ 1985- 1986 được bình ổn

Câu 4. Trên địa bàn huyện X có anh D, chị H và anh Y cùng sinh sống. Sau khi tốt nghiệp Đại học, do không tìm được việc làm, chị H nộp hồ sơ và được nhận vào làm việc tại công ty Z, sau 2 năm làm việc do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H do không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc. Sau đó chị đã dùng số tiền trợ cấp này để mở một cửa hàng tạp hóa, công việc dần đi vào ổn định. Anh D sau khi làm một thời gian tại công ty V do nền kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, khiến công ty bị phá sản nên buộc phải nghỉ việc và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh Y, vốn là kỹ sư có tay nghề cao vì được trả lương thấp nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

a) Lao động trình độ cao có xu hướng tìm được việc làm dễ dàng hơn so với các lao động có trình độ thấp.

b) Anh Y và chị H là những người đang thất nghiệp cần tìm kiếm việc làm.

c) Công ty bị phá sản khiến anh D bị mất việc là phù hợp với loại hình thất nghiệp chu kỳ.

d) Anh D và anh Y bị thất nghiệp là do nguyên nhân khách quan.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

MÃ ĐỀ: 115

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nhân tố nào sau đây KHÔNG ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

- A. giá cả những hàng hóa dịch vụ thay thế. B. giá cả hàng hóa, dịch vụ.
C. thu nhập của người tiêu dùng. D. số lượng người bán hàng hóa, dịch vụ.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế B. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh.
C. Tăng cường đầu tư tích trữ. D. Huy hoại tài nguyên môi trường.

Câu 3. Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

- A. việc làm. B. chỗ ở. C. bạn đời. D. vị trí.

Câu 4. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Cơ chế tinh giảm lao động. B. Do tái cấu trúc hoạt động.
C. Thiếu kỹ năng làm việc. D. Đơn hàng công ty sụt giảm.

Câu 5. Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, mức độ tăng của giá cả ở một con số hàng năm ($0\% < CPI < 10\%$) được gọi là tình trạng gì?

- A. lạm phát vừa phải. B. lạm phát phi mã.
C. lạm phát nghiêm trọng. D. siêu lạm phát.

Câu 6. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của việc cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Đãi ngộ tốt đối với lao động có tay nghề cao. B. Đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc.
C. Xâm phạm bí mật kinh doanh. D. Nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa.

Câu 7. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung không đổi. B. Cung bằng cầu. C. Cung tăng lên. D. Cung giảm xuống.

Câu 8. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm ($10\%-1\ 000\%$), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. Lạm phát nghiêm trọng. B. Lạm phát phi mã.
C. Lạm phát vừa phải. D. Siêu lạm phát.

Câu 9. Vì sao tình trạng thừa tiền trong lưu thông lại có thể dẫn đến lạm phát?

- A. Mọi người không có đủ tiền để mua các món hàng hóa mà mình cần thiết.
B. Vì người có quá nhiều tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một món hàng.
C. Vì số tiền mà người tiêu dùng bỏ ra để mua hàng hóa không đáng kể.
D. Vì số lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng là không đủ.

Câu 10. Vào năm 2008 siêu lạm phát ở Zimbabwe đã gây ra các thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế của đất nước trong khu vực Nam Phi này. Theo em, lí do nào khiến cho nền kinh tế của đất nước này rơi vào lạm phát?

A. Do các phương án cải cách ruộng đất không hiệu quả dẫn đến sản lượng của nước này liên tục sụt giảm trong một thời gian dài.

B. Người dân ồ ạt di cư ra nước ngoài, nguồn lao động trong nước bị giảm sút dẫn đến suy thoái nền kinh tế.

C. Chi tiêu của Chính phủ tăng lên trong khi nguồn thuế ngày càng thụt giảm dẫn đến Nhà nước phải in thêm tiền.

D. Có nhiều sản phẩm được thu gom cho xuất khẩu khiến lượng hàng cung cho thị trường trong nước giảm.

Câu 11. Việc mở rộng quy mô và chất lượng các trường dạy nghề là góp phần thực hiện tốt nội dung nào dưới đây trong việc kiểm chế tỷ lệ thất nghiệp?

A. Tăng hiệu quả sử dụng vốn.

B. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo.

C. Mở rộng quy mô giáo dục.

D. Thúc đẩy sản xuất và dịch vụ.

Câu 12. Việc có nhiều hãng sữa cùng kinh doanh trên thị trường Việt nam sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với người tiêu dùng?

A. Tiếp cận nguồn thông tin sai lệch.

B. Sử dụng các sản phẩm chất lượng.

C. Gia tăng nguồn thu ngân sách.

D. Mở rộng thị trường lao động.

Câu 13. Hiện nay trên các tuyến phố, các cửa hàng ở thành phố X có chương trình giảm giá, khuyến mãi 50% - 70% nhiều mặt hàng để kích thích tiêu dùng. Xét về mặt quan hệ cung cầu thì các cửa hàng này đã vận dụng tốt quan hệ nào dưới đây?

A. Giá cả giảm, cầu giảm.

B. Cung cầu ảnh hưởng tới giá cả.

C. Giá cả tăng, cung tăng.

D. Giá cả ảnh hưởng tới cung cầu.

Câu 14. Cầu về phòng khách sạn gần biển tăng mạnh vào dịp hè nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

A. Giá phòng khách sạn ổn định.

B. Giá phòng khách sạn giảm xuống.

C. Giá phòng khách sạn tăng lên.

D. Giá phòng khách sạn bão hòa.

Câu 15. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lạm phát?

A. Tình trạng lạm phát là biểu hiện đồng tiền của quốc gia bị mất giá.

B. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.

C. Lạm phát tăng cao có tác động xấu đến đời sống kinh tế và xã hội.

D. Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.

Câu 16. Là người tiêu dùng, em sẽ lựa chọn thời điểm nào sau đây để mua hàng hóa có lợi nhất?

A. Cung $\geq$ cầu.

B. Cung = cầu.

C. Cung < cầu.

D. Cung > cầu.

Câu 17. Các chủ thể kinh tế không ngừng cạnh tranh về giá cả và chất lượng của sản phẩm đưa ra thị trường, đối tượng hưởng lợi từ đó là ai?

A. Người bán hàng nhỏ lẻ.

B. Người nắm vai trò trung gian.

C. Người tiêu dùng.

D. Người nhập nguyên liệu sản xuất.

Câu 18. “Để đáp ứng được nhu cầu của xã hội, doanh nghiệp của anh H thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn nâng cao tay nghề cho nhân viên”. Theo em, cạnh tranh đã có vai trò như thế nào trong trường hợp trên?

A. Cạnh tranh khiến doanh nghiệp bổ sung trang thiết bị hiện đại.

B. Cạnh tranh giúp nâng cao chất lượng sản phẩm.

C. Cạnh tranh giúp nâng cao trình độ người lao động.

D. Cạnh tranh giúp phân bổ linh hoạt các nguồn lực của chủ thể kinh tế.

Câu 19. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

A. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.

B. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.

C. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm.

D. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

Câu 20. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

A. lạm phát.

B. thất nghiệp.

C. khủng hoảng.

D. suy thoái.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 21, 22

Năm 1985, Việt Nam tiến hành đổi tiền theo Quyết định số 01/HDBT-TD ngày 13/9/1985. Sau cuộc đổi tiền, nền kinh tế rơi vào tình trạng lạm phát tăng cao: CPI năm 1986 tăng lên 114,7%, năm 1987 là 323,1%, năm 1988 là 393%.

Câu 21. Trong nền kinh tế, lạm phát phi mã sẽ làm cho đồng tiền

A. mất giá một cách nhanh chóng.

C. Bị khủng hoảng nghiêm trọng.

B. không bị ảnh hưởng gì.

D. giữ nguyên giá trị vốn có.

Câu 22. Lạm phát ở Việt Nam trong giai đoạn 1986- 1988 thuộc loại lạm phát nào dưới đây?

A. Lạm phát nghiêm trọng.

C. Lạm phát phi mã.

B. Siêu lạm phát.

D. Lạm phát vừa phải.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24

Vợ chồng anh H và chị D sinh sống tại thành phố X, do kinh tế khó khăn, công ty nơi anh H làm việc bị phá sản nên anh H quyết định đưa cả gia đình về quê sinh sống. Sau khi tìm hiểu một số công ty, anh H quyết định nộp hồ sơ xin việc vào một số công ty trên địa bàn. Chị D ngày trước ở nhà làm công việc nội trợ, sau khi chuyển về quê, chị được giới thiệu vào làm tạp vụ tại một cơ sở sản xuất kinh doanh với mức lương thấp nên chị chưa muốn đi làm. Bố anh là ông K năm nay 55 tuổi, đã làm cho một công ty sản xuất ô tô gần 30 năm. Vì có trình độ tay nghề cao nên khi doanh nghiệp tái cơ cấu, ông K tiếp tục làm việc đến khi về hưu. Em trai anh H là anh Y là kỹ sư công nghệ thông tin cho một công ty có vốn nước ngoài.

Câu 23. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của một số lao động trong trường hợp trên là do

A. vi phạm kỷ luật lao động.

C. nghỉ hưu theo chế độ.

B. thay đổi chỗ cư trú.

D. cơ sở sản xuất đóng cửa.

Câu 24. Chủ thể nào dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp tạm thời?

A. Ông K.

B. Anh H.

C. Anh Y.

D. Chị D.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, chị DT cho biết cảm thấy “chóng mặt” vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

a) Chi phí sản xuất tăng cao là nguyên nhân gây ra hiện tượng lạm phát.

b) Tăng lương là biện pháp hữu hiệu nhất để kiềm chế lạm phát và nâng cao mức sống người dân.

c) Giá cả tăng cao sẽ làm thay đổi cầu của người tiêu dùng về hàng hóa.

d) Tình trạng tăng giá kéo dài đời sống người dân sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Câu 2. Từ tháng 4-2023 đến nay, Công ty CP Di chuyển Xanh và Thông minh (GSM) đã triển khai việc đưa ô tô điện vào khai thác trong lĩnh vực taxi. Hãng taxi điện “phủ sóng” tại các thành phố lớn, khu du lịch với 2.500 chiếc chỉ sau 5 tháng hoạt động, tương đương số lượng xe của các hãng taxi lớn đã có mặt trên thị trường hàng chục năm qua. Nhiều hãng vận tải khác như Sun Taxi, Lado Taxi... thời gian qua cũng đầu tư mạnh mua xe điện để thay thế dần xe xăng với mục đích tăng thêm trải nghiệm cho khách hàng và bắt kịp xu thế. Các hãng này cho biết đã nhận được phản hồi khá tích cực từ phía khách hàng nhờ giá cước không quá cao, không phải trả thêm phụ phí như các ứng dụng gọi xe công nghệ, xe chạy êm.

a) Mục đích của cạnh tranh là góp phần mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng.

b) Xe điện ra đời cạnh tranh và có thể dẫn đến việc xe xăng truyền thống bị xóa sổ là thể hiện cạnh tranh không lành mạnh.

c) Việc một số hãng thay thế xe xăng bằng xe điện kết hợp việc mở rộng các ứng dụng tiện ích là phù hợp giúp khách hàng có nhiều cơ hội lựa chọn dịch vụ và được hưởng nhiều ưu đãi.

d) Sự ra đời hãng xe điện tạo ra sự cạnh tranh giữa các hãng taxi.

Câu 3. Ông D – trợ lý văn phòng tại công ty xuất khẩu thủy sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhận công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm li chán nản...

a) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu.

b) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai.

c) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện.

d) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu.

Câu 4. Do giá cà phê giảm mạnh, người dân Tây Nguyên đang có xu hướng chặt bỏ cây cà phê để đầu tư vào cây tiêu, gây nguy cơ mất cân đối quy hoạch cây trồng chủ lực mang lại giá trị kinh tế cao tại vùng đất đỏ

bazan này. Thiếu thốn về kinh tế khiến người nông dân không nghĩ được xa hơn. Giá tiêu đang lên, nên nhiều nông dân chuyển hướng đầu tư trồng loại cây này với hi vọng có thêm thu nhập cao hơn.

- a) Nhu cầu mua cà phê nhiều làm cho giá cà phê giảm mạnh.
- b) Giá cà phê giảm mạnh là nguyên nhân chính làm cho diện tích cà phê thu hẹp.
- c) Giá tiêu tăng là do nhu cầu mua tiêu của người dân tăng cao.
- d) Giá tiêu tăng làm cho người dân chuyển hướng mở rộng diện tích trồng tiêu là vận dụng đúng quy luật cung - cầu.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

MÃ ĐỀ: 116

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cầu về phòng khách sạn gần biển tăng mạnh vào dịp hè nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

- A. Giá phòng khách sạn tăng lên. B. Giá phòng khách sạn ổn định.
C. Giá phòng khách sạn bão hòa. D. Giá phòng khách sạn giảm xuống.

Câu 2. Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của quan hệ cung cầu đối với chủ thể tiêu dùng là gì?

- A. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách bình ổn thị trường.
B. Là tác nhân trực tiếp khiến giá cả thường xuyên biến động.
C. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách cân đối cung cầu.
D. Là căn cứ để lựa chọn việc mua hàng hóa phù hợp.

Câu 3. Hiện tượng xảy ra do người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc và mức lương chưa phù hợp với họ được gọi là

- A. thất nghiệp không tự nguyện. B. thất nghiệp chu kỳ.
C. thất nghiệp cơ cấu. D. thất nghiệp tự nguyện.

Câu 4. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của việc cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Đãi ngộ tốt đối với lao động có tay nghề cao. B. Đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc.
C. Xâm phạm bí mật kinh doanh. D. Nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa.

Câu 5. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

- A. người sản xuất và người đầu tư. B. người bán với người bán.
C. người sản xuất với người tiêu dùng. D. người mua với người mua.

Câu 6. Việc có nhiều hãng sữa cùng kinh doanh trên thị trường Việt nam sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với người tiêu dùng?

- A. Sử dụng các sản phẩm chất lượng. B. Gia tăng nguồn thu ngân sách.
C. Mở rộng thị trường lao động. D. Tiếp cận nguồn thông tin sai lệch.

Câu 7. Nếu thị trường kinh tế thiếu đi sự cạnh tranh sẽ dẫn đến điều gì?

- A. Các chủ thể kinh tế sẽ có được nguồn lợi nhuận thích đáng thuộc về mình.
B. Các đối thủ của nhau sẽ không có cơ hội giành giật lợi ích kinh tế.
C. Nền kinh tế thị trường sẽ không có động lực phát triển.
D. Các chủ thể kinh tế sẽ không có hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Câu 8. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung giảm xuống. B. Cung không đổi. C. Cung tăng lên. D. Cung bằng cầu.

Câu 9. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10% - 1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. lạm phát nghiêm trọng. B. siêu lạm phát.
C. lạm phát vừa phải. D. lạm phát phi mã.

Câu 10. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

A. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.

C. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

B. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.

D. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm.

Câu 11. Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

A. cạnh tranh.

B. thất nghiệp.

C. khủng hoảng.

D. lạm phát.

Câu 12. Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

A. Giá cả của hàng hóa đó.

B. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.

C. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp.

D. Thu nhập của người tiêu dùng.

Câu 13. Vì sao tình trạng thừa tiền trong lưu thông lại có thể dẫn đến lạm phát?

A. Vì số tiền mà người tiêu dùng bỏ ra để mua hàng hóa không đáng kể.

B. Mọi người không có đủ tiền để mua các món hàng hóa mà mình cần thiết.

C. Vì người có quá nhiều tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một món hàng.

D. Vì số lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng là không đủ.

Câu 14. Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã thì nền kinh tế đó ở vào trạng thái

A. lạm phát toàn diện

B. siêu lạm phát.

C. lạm phát vừa phải.

D. lạm phát phi mã.

Câu 15. Vào năm 2008 siêu lạm phát ở Zimbabwe đã gây ra các thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế của đất nước trong khu vực Nam Phi này. Theo em, lí do nào khiến cho nền kinh tế của đất nước này rơi vào lạm phát?

A. Người dân ồ ạt di cư ra nước ngoài, nguồn lao động trong nước bị giảm sút dẫn đến suy thoái nền kinh tế.

B. Do các phương án cải cách ruộng đất không hiệu quả dẫn đến sản lượng của nước này liên tục tụt giảm trong một thời gian dài.

C. Có nhiều sản phẩm được thu gom cho xuất khẩu khiến lượng hàng cung cho thị trường trong nước giảm.

D. Chi tiêu của Chính phủ tăng lên trong khi nguồn thuế ngày càng thụt giảm dẫn đến Nhà nước phải in thêm tiền.

Câu 16. Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

A. thất nghiệp tự nguyện.

B. thất nghiệp tạm thời.

C. thất nghiệp cơ cấu.

D. thất nghiệp chu kì.

Câu 17. Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

A. ký kết.

B. thỏa mãn.

C. ganh đua.

D. thỏa hiệp.

Câu 18. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lạm phát?

A. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.

B. Tình trạng lạm phát là biểu hiện đồng tiền của quốc gia bị mất giá.

C. Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.

D. Lạm phát tăng cao có tác động xấu đến đời sống kinh tế và xã hội.

Câu 19. Việc làm nào dưới đây sẽ góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay?

A. sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.

B. độc quyền phân loại hàng hóa.

C. làm trái thỏa ước lao động tập thể.

D. chia đều lợi nhuận thường niên.

Câu 20. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

A. khủng hoảng.

B. lạm phát.

C. thất nghiệp.

D. suy thoái.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 21, 22

Theo kết quả khảo sát gần đây với 5.000 khách hàng, đã chỉ ra rằng những cửa hàng bán Trà sữa không có sự phát triển lớn chủ yếu là do thiếu đầu tư vào việc quảng bá và tiếp thị sản phẩm. Việc đầu tư đáng giá vào hoạt động quảng bá sẽ tạo ra kết quả bất ngờ trong việc thu hút khách hàng! Bạn có thể bắt đầu quảng bá sản phẩm Trà sữa của mình thông qua các ứng dụng chuyên về ẩm thực như Foody, Lozi... hoặc chạy các chiến dịch quảng cáo trên Google, Facebook, thực hiện các chiến lược SEO, và thậm chí cung cấp thẻ tích

điểm cho khách hàng. Có nhiều phương pháp marketing khác nhau và bạn nên cân nhắc và chọn lựa hình thức phù hợp nhất với điều kiện của quán mình.

Câu 21. Trong thông tin trên, quán trà sữa nâng cao năng lực cạnh tranh của mình bằng hành động nào sau đây?

- A. Tích trữ để nâng giá.
- B. Tích điểm cho người tiêu dùng.
- C. Đảm bảo an toàn thực phẩm.
- D. Khuyến mãi giảm giá.

Câu 22. Để kinh doanh thu được nhiều lợi nhuận hơn quán trà sữa **không** nên sử dụng hành vi cạnh tranh của mình bằng hành động nào sau đây?

- A. Thay đổi kiểu dáng giống quán đồng khách.
- B. Pha chế thật nguyên liệu chất lượng.
- C. Tích điểm cho người tiêu dùng.
- D. Quảng cáo trên các ứng dụng mạng xã hội.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 23, 24

Nếp cái hoa vàng hay còn gọi là nếp bắc là loại lúa nếp được cấy trồng vào vụ mùa (khoảng từ tháng 5 đến tháng 10 âm lịch) ở các tỉnh trung du, đồng bằng Bắc Bộ và khi trổ bông thì phần hoa có màu vàng (chứ không phải là màu trắng như các giống lúa thông thường). Đây là loại nếp có hạt tròn to, vị ngọt nhẹ, cơm dẻo, mềm, thơm tự nhiên và có thành phần dinh dưỡng khá cao: Protein: Chiếm 71.6 %, canxi 32 mg (3%), sắt 0.80 mg (6%), magiê 28 mg (7%). Vì thế nên nếp cái hoa vàng thường được sử dụng để gói bánh chưng ngày Tết. Gần đến Tết nguyên đán, nhu cầu mua gạo nếp ăn Tết tăng cao khiến nguồn cung không đủ, giá cả cũng sôi động hơn trên thị trường. Giá gạo nếp trên thị trường dao động từ 30.000 đến 50.000 đồng/kg.

Câu 23. Trong trường hợp trên vào dịp gần Tết, cung, cầu sẽ có biểu hiện như thế nào?

- A. Cung nhỏ hơn cầu.
- B. Cung, cầu tác động lẫn nhau.
- C. Cung bằng cầu.
- D. Cung lớn hơn cầu.

Câu 24. Trong những nhân tố dưới đây, nhân tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến cầu về dịch vụ, hàng hoá trong trường hợp trên?

- A. Dự đoán của người tiêu dùng về thị trường.
- B. Đặc điểm của gạo nếp cái hoa vàng.
- C. Thu nhập của người tiêu dùng.
- D. Tâm lý, tập quán hoặc thị hiếu của người tiêu dùng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Theo xu thế nâng cao chất lượng của thị trường giày dép thế giới, các yêu cầu về giày dép xuất khẩu ở hầu hết các thị trường sẽ ngày càng trở nên khắt khe hơn, nhiều ràng buộc kỹ thuật hơn. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý đến nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng sản phẩm giày dép nhằm thu được tỷ lệ lợi nhuận cao hơn. Trong những năm gần đây, một số doanh nghiệp trong ngành giày dép đã đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa một số công đoạn sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, quá trình sản xuất mới được cơ giới hóa mà chưa tự động hóa, tỷ lệ công việc làm thủ công còn ở mức cao, do vậy năng suất lao động vẫn còn thấp. Trong lĩnh vực sản xuất giày dép của Việt Nam mới chỉ bước đầu ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0 trong sản xuất một số loại giày đặc chủng, giày thể thao chuyên dụng, giày y tế và giày thời trang cao.

a) Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh thị trường giày dép là sự tồn tại nhiều doanh nghiệp giày dép có điều kiện sản xuất, kinh doanh giống nhau.

b) Doanh nghiệp giày dép Việt Nam đã ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm đó chính là vai trò của cạnh tranh.

c) Mục đích nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp giày dép là vì lợi nhuận.

d) Trong thông tin trên, để nâng cao năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp giày dép Việt Nam cần tìm thật nhiều nguồn nguyên liệu giá rẻ không cần chú ý nhiều chất lượng.

Câu 2. Để kiềm chế lạm phát, căn cứ vào tờ trình của Chính phủ, Quốc hội đã quyết định giảm mức thuế BVMT 1.700 đồng/lít so với mức trần từ ngày 1/1/2023 sẽ góp phần làm giảm giá bán lẻ dầu mazut, dầu nhờn (bao gồm cả phần giảm thuế GTGT) tương ứng là 1.870 đồng/lít. Đối với mỡ nhờn: Với việc giảm mức thuế BVMT 1.700 đồng/kg so với mức trần từ ngày 1/1/2023 sẽ góp phần làm giảm giá bán lẻ mỡ nhờn (bao gồm cả phần giảm thuế GTGT) tương ứng là 1.870 đồng/kg.

a) Việc giảm giá chỉ là tạm thời.

b) Nhà nước sử dụng thuế để kiềm chế lạm phát.

c) Quốc hội là cơ quan ra quyết định giảm mức thuế.

d) Việc giảm giá các mặt hàng là do nhu cầu của người dân giảm.

Câu 3. Trên địa bàn huyện X có anh D, chị H và anh Y cùng sinh sống. Sau khi tốt nghiệp Đại học, do không tìm được việc làm, chị H nộp hồ sơ và được nhận vào làm việc tại công ty Z, sau 2 năm làm việc do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H do không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc. Sau đó chị đã dùng số tiền trợ cấp này để mở một cửa hàng tạp hóa, công việc dần đi vào ổn định. Anh D sau khi làm một thời gian tại công ty V do nền kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, khiến công ty bị phá sản nên buộc phải nghỉ việc và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh Y, vốn là kỹ sư có tay nghề cao vì được trả lương thấp nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

a) Lao động trình độ cao có xu hướng tìm được việc làm dễ dàng hơn so với các lao động có trình độ thấp.

b) Công ty bị phá sản khiến anh D bị mất việc là phù hợp với loại hình thất nghiệp chu kỳ.

c) Anh Y và chị H là những người đang thất nghiệp cần tìm kiếm việc làm.

d) Anh D và anh Y bị thất nghiệp là do nguyên nhân khách quan.

Câu 4. Năm 1985, chỉ số CPI tăng đến 92%, năm 1986 lên tới 775%, nền kinh tế bước vào thời kỳ lạm phát dữ dội với tỷ lệ tăng 3 con số kéo dài trong 2 năm tiếp theo. Phân phối lưu thông trong tình trạng rối ren, diễn biến theo chiều hướng xấu. Giá cả biến động phức tạp. Đồng tiền mất giá nhanh, tâm lý người tiêu dùng không muốn giữ tiền mặt, tìm cách mua hàng dự trữ để đảm bảo, làm tăng thêm tình trạng căng thẳng về hàng hóa vốn đã thiếu so với nhu cầu.

a) Mức độ lạm phát nói trên thể hiện lạm phát phi mã.

b) Tình hình hàng hóa trong thời kỳ 1985- 1986 được bình ổn

c) Lạm phát phi mã làm cho đồng tiền bị mất giá.

d) Giá cả trong thời kỳ lạm phát phi mã giữ ổn định.

----HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

MÃ ĐỀ: 117

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vì sao tình trạng thừa tiền trong lưu thông lại có thể dẫn đến lạm phát?

- A. Mọi người không có đủ tiền để mua các món hàng hóa mà mình cần thiết.
- B. Vì số lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng là không đủ.
- C. Vì số tiền mà người tiêu dùng bỏ ra để mua hàng hóa không đáng kể.
- D. Vì người có quá nhiều tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một món hàng.

Câu 2. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

- A. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.
- B. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm.
- C. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.
- D. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

Câu 3. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Do tái cấu trúc hoạt động.
- B. Đơn hàng công ty sụt giảm.
- C. Cơ chế tính giảm lao động.
- D. Thiếu kỹ năng làm việc.

Câu 4. Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, mức độ tăng của giá cả ở một con số hàng năm ($0\% < CPI < 10\%$) được gọi là tình trạng gì?

- A. siêu lạm phát.
- B. lạm phát vừa phải.
- C. lạm phát nghiêm trọng.
- D. lạm phát phi mã.

Câu 5. Các chủ thể kinh tế không ngừng cạnh tranh về giá cả và chất lượng của sản phẩm đưa ra thị trường, đối tượng hưởng lợi từ đó là ai?

- A. Người bán hàng nhỏ lẻ.
- B. Người nắm vai trò trung gian.
- C. Người nhập nguyên liệu sản xuất.
- D. Người tiêu dùng.

Câu 6. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm ($10\% - 100\%$), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. Lạm phát vừa phải.
- B. Siêu lạm phát.
- C. Lạm phát nghiêm trọng.
- D. Lạm phát phi mã.

Câu 7. Hiện nay trên các tuyến phố, các cửa hàng ở thành phố X có chương trình giảm giá, khuyến mãi 50% - 70% nhiều mặt hàng để kích thích tiêu dùng. Xét về mặt quan hệ cung cầu thì các cửa hàng này đã vận dụng tốt quan hệ nào dưới đây?

- A. Giá cả giảm, cầu giảm.
- B. Giá cả ảnh hưởng tới cung cầu.
- C. Cung cầu ảnh hưởng tới giá cả.
- D. Giá cả tăng, cung tăng.

Câu 8. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

- A. lạm phát.
- B. khủng hoảng.
- C. suy thoái.
- D. thất nghiệp.

Câu 9. Vào năm 2008 siêu lạm phát ở Zimbabwe đã gây ra các thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế của đất nước trong khu vực Nam Phi này. Theo em, lí do nào khiến cho nền kinh tế của đất nước này rơi vào lạm phát?

A. Chi tiêu của Chính phủ tăng lên trong khi nguồn thu ngày càng thụt giảm dẫn đến Nhà nước phải in thêm tiền.

B. Người dân ồ ạt di cư ra nước ngoài, nguồn lao động trong nước bị giảm sút dẫn đến suy thoái nền kinh tế.

C. Có nhiều sản phẩm được thu gom cho xuất khẩu khiến lượng hàng cung cho thị trường trong nước giảm.

D. Do các phương án cải cách ruộng đất không hiệu quả dẫn đến sản lượng của nước này liên tục sụt giảm trong một thời gian dài.

Câu 10. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

A. Cung không đổi.

B. Cung bằng cầu.

C. Cung giảm xuống.

D. Cung tăng lên.

Câu 11. “Để đáp ứng được nhu cầu của xã hội, doanh nghiệp của anh H thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn nâng cao tay nghề cho nhân viên”. Theo em, cạnh tranh đã có vai trò như thế nào trong trường hợp trên?

A. Cạnh tranh giúp nâng cao trình độ người lao động.

B. Cạnh tranh giúp nâng cao chất lượng sản phẩm.

C. Cạnh tranh khiến doanh nghiệp bổ sung trang thiết bị hiện đại.

D. Cạnh tranh giúp phân bổ linh hoạt các nguồn lực của chủ thể kinh tế.

Câu 12. Việc có nhiều hãng sữa cùng kinh doanh trên thị trường Việt nam sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với người tiêu dùng?

A. Gia tăng nguồn thu ngân sách.

B. Mở rộng thị trường lao động.

C. Tiếp cận nguồn thông tin sai lệch.

D. Sử dụng các sản phẩm chất lượng.

Câu 13. Nhân tố nào sau đây KHÔNG ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

A. thu nhập của người tiêu dùng.

B. giá cả hàng hóa, dịch vụ.

C. số lượng người bán hàng hóa, dịch vụ.

D. giá cả những hàng hóa dịch vụ thay thế.

Câu 14. Việc mở rộng quy mô và chất lượng các trường dạy nghề là góp phần thực hiện tốt nội dung nào dưới đây trong việc kiểm chế tỷ lệ thất nghiệp?

A. Thúc đẩy sản xuất và dịch vụ.

B. Tăng hiệu quả sử dụng vốn.

C. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo.

D. Mở rộng quy mô giáo dục.

Câu 15. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của việc cạnh tranh không lành mạnh?

A. Đãi ngộ tốt đối với lao động có tay nghề cao.

B. Nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa.

C. Đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc.

D. Xâm phạm bí mật kinh doanh.

Câu 16. Cầu về phòng khách sạn gần biển tăng mạnh vào dịp hè nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

A. Giá phòng khách sạn tăng lên.

B. Giá phòng khách sạn ổn định.

C. Giá phòng khách sạn bão hòa.

D. Giá phòng khách sạn giảm xuống.

Câu 17. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lạm phát?

A. Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.

B. Tình trạng lạm phát là biểu hiện đồng tiền của quốc gia bị mất giá.

C. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.

D. Lạm phát tăng cao có tác động xấu đến đời sống kinh tế và xã hội.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

B. Huy hoại tài nguyên môi trường.

C. Tăng cường đầu cơ tích trữ.

D. Triệt tiêu lợi nhuận kinh doanh.

Câu 19. Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

A. bạn đời.

B. việc làm.

C. chỗ ở.

D. vị trí.

Câu 20. Là người tiêu dùng, em sẽ lựa chọn thời điểm nào sau đây để mua hàng hóa có lợi nhất?

A. Cung $\geq$ cầu.

B. Cung = cầu.

C. Cung $>$ cầu.

D. Cung $<$ cầu.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 21, 22

Năm 1985, Việt Nam tiến hành đổi tiền theo Quyết định số 01/HDBT-TD ngày 13/9/1985. Sau cuộc đổi tiền, nền kinh tế rơi vào tình trạng lạm phát tăng cao: CPI năm 1986 tăng lên 114,7%, năm 1987 là 323,1%, năm 1988 là 393%.

Câu 21. Trong nền kinh tế, lạm phát phi mã sẽ làm cho đồng tiền

- A. không bị ảnh hưởng gì.
- C. giữ nguyên giá trị vốn có.

- B. Bị khủng hoảng nghiêm trọng.
- D. mất giá một cách nhanh chóng.

Câu 22. Lạm phát ở Việt Nam trong giai đoạn 1986- 1988 thuộc loại lạm phát nào dưới đây?

- A. Siêu lạm phát.
- C. Lạm phát phi mã.
- B. Lạm phát nghiêm trọng.
- D. Lạm phát vừa phải.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23, 24

Vợ chồng anh H và chị D sinh sống tại thành phố X, do kinh tế khó khăn, công ty nơi anh H làm việc bị phá sản nên anh H quyết định đưa cả gia đình về quê sinh sống. Sau khi tìm hiểu một số công ty, anh H quyết định nộp hồ sơ xin việc vào một số công ty trên địa bàn. Chị D ngày trước ở nhà làm công việc nội trợ, sau khi chuyển về quê, chị được giới thiệu vào làm tạp vụ tại một cơ sở sản xuất kinh doanh với mức lương thấp nên chị chưa muốn đi làm. Bố anh là ông K năm nay 55 tuổi, đã làm cho một công ty sản xuất ô tô gần 30 năm. Vì có trình độ tay nghề cao nên khi doanh nghiệp tái cơ cấu, ông K tiếp tục làm việc đến khi về hưu. Em trai anh H là anh Y là kỹ sư công nghệ thông tin cho một công ty có vốn nước ngoài.

Câu 23. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của một số lao động trong trường hợp trên là do

- A. nghỉ hưu theo chế độ.
- B. cơ sở sản xuất đóng cửa.
- C. thay đổi chỗ cư trú.
- D. vi phạm kỷ luật lao động.

Câu 24. Chủ thể nào dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp tạm thời?

- A. Chị D.
- B. Anh H.
- C. Ông K.
- D. Anh Y.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, chị DT cho biết cảm thấy “chóng mặt” vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

- a) Tăng lương là biện pháp hữu hiệu nhất để kiềm chế lạm phát và nâng cao mức sống người dân.
- b) Giá cả tăng cao sẽ làm thay đổi cầu của người tiêu dùng về hàng hóa.
- c) Tình trạng tăng giá kéo dài đời sống người dân sẽ gặp rất nhiều khó khăn.
- d) Chi phí sản xuất tăng cao là nguyên nhân gây ra hiện tượng lạm phát.

Câu 2. Do giá cà phê giảm mạnh, người dân Tây Nguyên đang có xu hướng chặt bỏ cây cà phê để đầu tư vào cây tiêu, gây nguy cơ mất cân đối quy hoạch cây trồng chủ lực mang lại giá trị kinh tế cao tại vùng đất đỏ bazan này. Thiếu thốn về kinh tế khiến người nông dân không nghĩ được xa hơn. Giá tiêu đang lên, nên nhiều nông dân chuyển hướng đầu tư trồng loại cây này với hi vọng có thêm thu nhập cao hơn.

- a) Giá cà phê giảm mạnh là nguyên nhân chính làm cho diện tích cà phê thu hẹp.
- b) Giá tiêu tăng là do nhu cầu mua tiêu của người dân tăng cao.
- c) Giá tiêu tăng làm cho người dân chuyển hướng mở rộng diện tích trồng tiêu là vận dụng đúng quy luật cung - cầu.
- d) Nhu cầu mua cà phê nhiều làm cho giá cà phê giảm mạnh.

Câu 3. Ông D – trợ lý văn phòng tại công ty xuất khẩu thủy sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhận công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm li chán nản...

- a) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai.
- b) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu.
- c) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện.
- d) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu.

Câu 4. Từ tháng 4-2023 đến nay, Công ty CP Di chuyển Xanh và Thông minh (GSM) đã triển khai việc đưa ô tô điện vào khai thác trong lĩnh vực taxi. Hãng taxi điện "phủ sóng" tại các thành phố lớn, khu du lịch với 2.500 chiếc chỉ sau 5 tháng hoạt động, tương đương số lượng xe của các hãng taxi lớn đã có mặt trên thị trường hàng chục năm qua. Nhiều hãng vận tải khác như Sun Taxi, Lado Taxi... thời gian qua cũng đầu tư mạnh mua xe điện để thay thế dần xe xăng với mục đích tăng thêm trải nghiệm cho khách hàng và bắt kịp xu thế. Các hãng này cho biết đã nhận được phản hồi khá tích cực từ phía khách hàng nhờ giá cước không quá cao, không phải trả thêm phụ phí như các ứng dụng gọi xe công nghệ, xe chạy êm.

- a) Sự ra đời hãng xe điện tạo ra sự cạnh tranh giữa các hãng taxi.
- b) Việc một số hãng thay thế xe xăng bằng xe điện kết hợp việc mở rộng các ứng dụng tiện ích là phù hợp giúp khách hàng có nhiều cơ hội lựa chọn dịch vụ và được hưởng nhiều ưu đãi.
- c) Mục đích của cạnh tranh là góp phần mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng.
- d) Xe điện ra đời cạnh tranh và có thể dẫn đến việc xe xăng truyền thống bị xóa sổ là thể hiện cạnh tranh không lành mạnh.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Môn: Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ: 118

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Việc có nhiều hãng sữa cùng kinh doanh trên thị trường Việt nam sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với người tiêu dùng?

- A. Tiếp cận nguồn thông tin sai lệch. B. Mở rộng thị trường lao động.
C. Sử dụng các sản phẩm chất lượng. D. Gia tăng nguồn thu ngân sách.

Câu 2. Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của quan hệ cung cầu đối với chủ thể tiêu dùng là gì?

- A. Là tác nhân trực tiếp khiến giá cả thường xuyên biến động.
B. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách bình ổn thị trường.
C. Là cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách cân đối cung cầu.
D. Là căn cứ để lựa chọn việc mua hàng hóa phù hợp.

Câu 3. Việc làm nào dưới đây sẽ góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. độc quyền phân loại hàng hóa. B. làm trái thỏa ước lao động tập thể.
C. sử dụng hiệu quả các nguồn vốn. D. chia đều lợi nhuận thường niên.

Câu 4. Một trong những hậu quả của thất nghiệp là

- A. nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái. B. hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ mạnh hơn.
C. hiện tượng bãi công, biểu tình giảm. D. tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh.

Câu 5. Khi các yếu tố đầu vào của sản xuất tăng lên sẽ đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường tăng lên từ đó dẫn đến

- A. suy thoái. B. khủng hoảng. C. thất nghiệp. D. lạm phát.

Câu 6. Vào năm 2008 siêu lạm phát ở Zimbabwe đã gây ra các thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế của đất nước trong khu vực Nam Phi này. Theo em, lí do nào khiến cho nền kinh tế của đất nước này rơi vào lạm phát?

A. Do các phương án cải cách ruộng đất không hiệu quả dẫn đến sản lượng của nước này liên tục tụt giảm trong một thời gian dài.

B. Chi tiêu của Chính phủ tăng lên trong khi nguồn thuế ngày càng thụt giảm dẫn đến Nhà nước phải in thêm tiền.

C. Có nhiều sản phẩm được thu gom cho xuất khẩu khiến lượng hàng cung cho thị trường trong nước giảm.

D. Người dân ồ ạt di cư ra nước ngoài, nguồn lao động trong nước bị giảm sút dẫn đến suy thoái nền kinh tế.

Câu 7. Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã thì nền kinh tế đó ở vào trạng thái

- A. lạm phát toàn diện B. lạm phát vừa phải. C. lạm phát phi mã. D. siêu lạm phát.

Câu 8. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lạm phát?

- A. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.
B. Lạm phát tăng cao có tác động xấu đến đời sống kinh tế và xã hội.
C. Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.
D. Tình trạng lạm phát là biểu hiện đồng tiền của quốc gia bị mất giá.

Câu 9. Nếu thị trường kinh tế thiếu đi sự cạnh tranh sẽ dẫn đến điều gì?

- A. Nền kinh tế thị trường sẽ không có động lực phát triển.

- B. Các chủ thể kinh tế sẽ không có hành vi cạnh tranh không lành mạnh.
- C. Các đối thủ của nhau sẽ không có cơ hội giành giật lợi ích kinh tế.
- D. Các chủ thể kinh tế sẽ có được nguồn lợi nhuận thích đáng thuộc về mình.

Câu 10. Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. khủng hoảng.
- B. lạm phát.
- C. thất nghiệp.
- D. cạnh tranh.

Câu 11. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của việc cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Xâm phạm bí mật kinh doanh.
- B. Đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc.
- C. Nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa.
- D. Đãi ngộ tốt đối với lao động có tay nghề cao.

Câu 12. Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A. ganh đua.
- B. thỏa mãn.
- C. ký kết.
- D. thỏa hiệp.

Câu 13. Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Thu nhập của người tiêu dùng.
- B. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.
- C. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp.
- D. Giá cả của hàng hóa đó.

Câu 14. Vì sao tình trạng thừa tiền trong lưu thông lại có thể dẫn đến lạm phát?

- A. Vì số tiền mà người tiêu dùng bỏ ra để mua hàng hóa không đáng kể.
- B. Vì người có quá nhiều tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một món hàng.
- C. Vì số lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng là không đủ.
- D. Mọi người không có đủ tiền để mua các món hàng hóa mà mình cần thiết.

Câu 15. Hiện tượng xảy ra do người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc và mức lương chưa phù hợp với họ được gọi là

- A. thất nghiệp cơ cấu.
- B. thất nghiệp chu kỳ.
- C. thất nghiệp tự nguyện.
- D. thất nghiệp không tự nguyện.

Câu 16. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

- A. người sản xuất với người tiêu dùng.
- B. người bán với người bán.
- C. người sản xuất và người đầu tư.
- D. người mua với người mua.

Câu 17. Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10%- 1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế là phản ánh loại lạm phát nào dưới đây?

- A. lạm phát vừa phải.
- B. siêu lạm phát.
- C. lạm phát phi mã.
- D. lạm phát nghiêm trọng.

Câu 18. Cầu về phòng khách sạn gần biển tăng mạnh vào dịp hè nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

- A. Giá phòng khách sạn giảm xuống.
- B. Giá phòng khách sạn tăng lên.
- C. Giá phòng khách sạn ổn định.
- D. Giá phòng khách sạn bão hòa.

Câu 19. Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

- A. thất nghiệp tự nguyện.
- B. thất nghiệp chu kỳ.
- C. thất nghiệp cơ cấu.
- D. thất nghiệp tạm thời.

Câu 20. Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung không đổi.
- B. Cung giảm xuống.
- C. Cung bằng cầu.
- D. Cung tăng lên.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 21, 22

Theo kết quả khảo sát gần đây với 5.000 khách hàng, đã chỉ ra rằng những cửa hàng bán Trà sữa không có sự phát triển lớn chủ yếu là do thiếu đầu tư vào việc quảng bá và tiếp thị sản phẩm. Việc đầu tư đáng giá vào hoạt động quảng bá sẽ tạo ra kết quả bất ngờ trong việc thu hút khách hàng! Bạn có thể bắt đầu quảng bá sản phẩm Trà sữa của mình thông qua các ứng dụng chuyên về ẩm thực như Foody, Lozi... hoặc chạy các chiến dịch quảng cáo trên Google, Facebook, thực hiện các chiến lược SEO, và thậm chí cung cấp thẻ tích

điểm cho khách hàng. Có nhiều phương pháp marketing khác nhau và bạn nên cân nhắc và chọn lựa hình thức phù hợp nhất với điều kiện của quán mình.

Câu 21. Để kinh doanh thu được nhiều lợi nhuận hơn quán trà sữa **không** nên sử dụng hành vi cạnh tranh của mình bằng hành động nào sau đây?

- A. Pha chế thật nguyên liệu chất lượng.
- C. Tích điểm cho người tiêu dùng.

- B. Quảng cáo trên các ứng dụng mạng xã hội.
- D. Thay đổi kiểu dáng giống quán đồng khách.

Câu 22. Trong thông tin trên, quán trà sữa nâng cao năng lực cạnh tranh của mình bằng hành động nào sau đây?

- A. tích trữ để nâng giá.
- C. Tích điểm cho người tiêu dùng.

- B. Khuyến mãi giảm giá.
- D. Đảm bảo an toàn thực phẩm.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 23, 24

Nếp cái hoa vàng hay còn gọi là nếp bắc là loại lúa nếp được cấy trồng vào vụ mùa (khoảng từ tháng 5 đến tháng 10 âm lịch) ở các tỉnh trung du, đồng bằng Bắc Bộ và khi trổ bông thì phần hoa có màu vàng (chứ không phải là màu trắng như các giống lúa thông thường). Đây là loại nếp có hạt tròn to, vị ngọt nhẹ, cơm dẻo, mềm, thơm tự nhiên và có thành phần dinh dưỡng khá cao: Protein: Chiếm 71.6 %, canxi 32 mg (3%), sắt 0.80 mg (6%), magiê 28 mg (7%). Vì thế nên nếp cái hoa vàng thường được sử dụng để gói bánh chưng ngày Tết. Gần đến Tết nguyên đán, nhu cầu mua gạo nếp ăn Tết tăng cao khiến nguồn cung không đủ, giá cả cũng sôi động hơn trên thị trường. Giá gạo nếp trên thị trường dao động từ 30.000 đến 50.000 đồng/kg.

Câu 23. Trong trường hợp trên vào dịp gần Tết, cung, cầu sẽ có biểu hiện như thế nào?

- A. Cung nhỏ hơn cầu.
- C. Cung, cầu tác động lẫn nhau.
- B. Cung bằng cầu.
- D. Cung lớn hơn cầu.

Câu 24. Trong những nhân tố dưới đây, nhân tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến cầu về dịch vụ, hàng hoá trong trường hợp trên?

- A. Đặc điểm của gạo nếp cái hoa vàng.
- B. Thu nhập của người tiêu dùng.
- C. Dự đoán của người tiêu dùng về thị trường.
- D. Tâm lý, tập quán hoặc thị hiếu của người tiêu dùng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Năm 1985, chỉ số CPI tăng đến 92%, năm 1986 lên tới 775%, nền kinh tế bước vào thời kỳ lạm phát dữ dội với tỷ lệ tăng 3 con số kéo dài trong 2 năm tiếp theo. Phân phối lưu thông trong tình trạng rối ren, diễn biến theo chiều hướng xấu. Giá cả biến động phức tạp. Đồng tiền mất giá nhanh, tâm lý người tiêu dùng không muốn giữ tiền mặt, tìm cách mua hàng dự trữ để đảm bảo, làm tăng thêm tình trạng căng thẳng về hàng hóa vốn đã thiếu so với nhu cầu.

- a) Tình hình hàng hóa trong thời kỳ 1985- 1986 được bình ổn
- b) Mức độ lạm phát nói trên thể hiện lạm phát phi mã.
- c) Lạm phát phi mã làm cho đồng tiền bị mất giá.
- d) Giá cả trong thời kỳ lạm phát phi mã giữ ổn định.

Câu 2. Theo xu thế nâng cao chất lượng của thị trường giày dép thế giới, các yêu cầu về giày dép xuất khẩu ở hầu hết các thị trường sẽ ngày càng trở nên khắt khe hơn, nhiều ràng buộc kỹ thuật hơn. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý đến nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng sản phẩm giày dép nhằm thu được tỷ lệ lợi nhuận cao hơn. Trong những năm gần đây, một số doanh nghiệp trong ngành giày dép đã đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa một số công đoạn sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, quá trình sản xuất mới được cơ giới hóa mà chưa tự động hóa, tỷ lệ công việc làm thủ công còn ở mức cao, do vậy năng suất lao động vẫn còn thấp. Trong lĩnh vực sản xuất giày dép của Việt Nam mới chỉ bước đầu ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0 trong sản xuất một số loại giày đặc chủng, giày thể thao chuyên dụng, giày y tế và giày thời trang cao.

- a) Doanh nghiệp giày dép Việt Nam đã ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm đó chính là vai trò của cạnh tranh.
- b) Mục đích nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp giày dép là vì lợi nhuận.
- c) Trong thông tin trên, để nâng cao năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp giày dép Việt Nam cần tìm thật nhiều nguồn nguyên liệu giá rẻ không cần chú ý nhiều chất lượng.

d) Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh thị trường giày dép là sự tồn tại nhiều doanh nghiệp giày dép có điều kiện sản xuất, kinh doanh giống nhau.

Câu 3. Trên địa bàn huyện X có anh D, chị H và anh Y cùng sinh sống. Sau khi tốt nghiệp Đại học, do không tìm được việc làm, chị H nộp hồ sơ và được nhận vào làm việc tại công ty Z, sau 2 năm làm việc do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty lên kế hoạch tinh giảm một số bộ phận. Chị H do không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc. Sau đó chị đã dùng số tiền trợ cấp này để mở một cửa hàng tạp hóa, công việc dần đi vào ổn định. Anh D sau khi làm một thời gian tại công ty V do nền kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, khiến công ty bị phá sản nên buộc phải nghỉ việc và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh Y, vốn là kỹ sư có tay nghề cao vì được trả lương thấp nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

a) Lao động trình độ cao có xu hướng tìm được việc làm dễ dàng hơn so với các lao động có trình độ thấp.

b) Anh D và anh Y bị thất nghiệp là do nguyên nhân khách quan.

c) Công ty bị phá sản khiến anh D bị mất việc là phù hợp với loại hình thất nghiệp chu kỳ.

d) Anh Y và chị H là những người đang thất nghiệp cần tìm kiếm việc làm.

Câu 4. Để kiểm chế lạm phát, căn cứ vào tờ trình của Chính phủ, Quốc hội đã quyết định giảm mức thuế BVMT 1.700 đồng/lít so với mức trần từ ngày 1/1/2023 sẽ góp phần làm giảm giá bán lẻ dầu mazut, dầu nhòn (bao gồm cả phần giảm thuế GTGT) tương ứng là 1.870 đồng/lít. Đối với mỡ nhòn: Với việc giảm mức thuế BVMT 1.700 đồng/kg so với mức trần từ ngày 1/1/2023 sẽ góp phần làm giảm giá bán lẻ mỡ nhòn (bao gồm cả phần giảm thuế GTGT) tương ứng là 1.870 đồng/kg.

a) Việc giảm giá chỉ là tạm thời.

b) Việc giảm giá các mặt hàng là do nhu cầu của người dân giảm.

c) Quốc hội là cơ quan ra quyết định giảm mức thuế.

d) Nhà nước sử dụng thuế để kiểm chế lạm phát.

----HẾT----

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi

Bài thi: GDKT PL 11 chiều Ngày thi:/...../ 20.....

7. Số báo danh 8. Mã đề thi

Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 1
Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 2

- Hội đồng thi:.....
- Điểm thi:.....
- Phòng thi số:.....
- Họ và tên thí sinh:.....
- Ngày sinh:/...../.....(Nam/ Nữ).
- Chữ ký của thí sinh:.....

0										0
1										1
2										2
3										3
4										4
5										5
6										6
7										7
8										8
9										9

Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau Phiếu này.

PHẦN I

	A	B	C	D
1	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐
10	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
11	☐	☐	☐	☐
12	☐	☐	☐	☐
13	☐	☐	☐	☐
14	☐	☐	☐	☐
15	☐	☐	☐	☐
16	☐	☐	☐	☐
17	☐	☐	☐	☐
18	☐	☐	☐	☐
19	☐	☐	☐	☐
20	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
21	☐	☐	☐	☐
22	☐	☐	☐	☐
23	☐	☐	☐	☐
24	☐	☐	☐	☐
25	☐	☐	☐	☐
26	☐	☐	☐	☐
27	☐	☐	☐	☐
28	☐	☐	☐	☐
29	☐	☐	☐	☐
30	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
31	☐	☐	☐	☐
32	☐	☐	☐	☐
33	☐	☐	☐	☐
34	☐	☐	☐	☐
35	☐	☐	☐	☐
36	☐	☐	☐	☐
37	☐	☐	☐	☐
38	☐	☐	☐	☐
39	☐	☐	☐	☐
40	☐	☐	☐	☐

PHẦN II

Câu 1	Câu 2
Đúng Sai	Đúng Sai
a, ☐ ☐	☐ ☐
b, ☐ ☐	☐ ☐
c, ☐ ☐	☐ ☐
d, ☐ ☐	☐ ☐

Câu 3	Câu 4
Đúng Sai	Đúng Sai
a, ☐ ☐	☐ ☐
b, ☐ ☐	☐ ☐
c, ☐ ☐	☐ ☐
d, ☐ ☐	☐ ☐

Câu 5	Câu 6
Đúng Sai	Đúng Sai
a, ☐ ☐	☐ ☐
b, ☐ ☐	☐ ☐
c, ☐ ☐	☐ ☐
d, ☐ ☐	☐ ☐

Câu 7	Câu 8
Đúng Sai	Đúng Sai
a, ☐ ☐	☐ ☐
b, ☐ ☐	☐ ☐
c, ☐ ☐	☐ ☐
d, ☐ ☐	☐ ☐

PHẦN III

Câu 1
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

Câu 2
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

Câu 3
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

Câu 4
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

Câu 5
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

Câu 6
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I LỚP 11 - CHIỀU

Môn thi: Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Câu hỏi	MÃ ĐỀ THI							118
	111	113	115	117	112	114	116	
1	B	D	D	D	A	C	A	C
2	D	C	A	D	A	D	D	D
3	C	D	A	D	A	D	D	C
4	C	D	C	B	C	C	C	A
5	A	C	A	D	B	B	C	D
6	D	C	C	D	C	B	A	B
7	A	A	D	B	C	C	C	D
8	C	B	B	A	C	B	A	C
9	A	D	B	A	A	C	D	A
10	A	B	C	C	B	D	C	D
11	C	D	B	A	D	B	A	A
12	C	A	B	D	A	A	C	A
13	C	D	D	C	D	B	C	C
14	C	C	C	C	A	D	B	B
15	C	A	D	D	A	B	D	C
16	D	A	D	A	D	C	B	A
17	B	C	C	A	B	B	C	C
18	C	C	C	A	D	C	C	B
19	C	C	D	B	B	C	A	D
20	C	A	A	C	B	D	B	B
21	B	A	A	D	B	B	B	D
22	D	B	C	C	B	A	A	C
23	D	B	D	B	C	A	A	A
24	A	D	B	B	C	D	D	D
25	ĐĐSĐ	SSĐĐ	ĐSĐĐ	SĐĐĐ	ĐSĐS	ĐSĐS	SĐĐS	SĐĐS
26	SĐĐS	SĐĐĐ	SSĐĐ	ĐĐĐS	SĐSĐ	ĐSSĐ	SĐĐS	ĐĐSS
27	SSĐĐ	ĐSSĐ	ĐĐSS	ĐĐSS	SĐĐS	SĐĐS	ĐĐSS	ĐSĐS
28	ĐĐĐS	ĐSĐĐ	SĐĐĐ	ĐĐSS	SĐĐS	ĐSĐS	ĐSĐS	SSĐĐ

